

CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Khách hàng đề nghị: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)

Tài sản thẩm định: Giá trị cổ phần và khoản nợ phải thu của DATC tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Việt

Thời điểm thẩm định: Tại ngày 31/12/2022

MỤC LỤC CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
I. Chứng thư thẩm định giá	2 - 4
II. Báo cáo kết quả thẩm định giá	5 - 17
Phụ lục 1: Danh mục, đặc điểm tài sản cố định	18 - 42
Phụ lục 2: Bảng tính chỉ số giá xây dựng công trình	43
Phụ lục 3: Xác định tỷ lệ còn lại của công trình xây dựng	44
Bảng xác định giá trị tài sản cố định	
Phụ lục 3.1: <i>Hạng mục: Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	45
Phụ lục 4: Bảng xác định tỷ lệ chất lượng còn lại tài sản cố định	46 - 52
Bảng xác định giá trị tài sản cố định	
Phụ lục 4.1: <i>Hạng mục: Máy móc, thiết bị; Phương tiện vận tải, truyền dẫn; Thiết bị quản lý</i>	53 - 59
Phụ lục 5: Bảng xác định tỷ lệ chất lượng còn lại tài sản cố định	60
Bảng xác định giá trị tài sản cố định	
Phụ lục 5.1: <i>Hạng mục: Tài sản cố định vô hình</i>	61
Phụ lục 6: Bảng xác định giá trị bất động sản đầu tư	62 - 64
Phụ lục 7: Bảng xác định giá trị chi phí trả trước dài hạn	65
Phụ lục 8: Bản mô tả đánh giá chất lượng còn lại xây dựng cơ bản	66 - 76
Phụ lục 9: Kết quả thẩm định giá hàng tồn kho	77 - 102
Phụ lục 10: Bảng xác định giá trị tài sản thế chấp tại Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	103 - 116
Phụ lục 11: Kết quả thẩm định giá các khoản phải thu, khách hàng trả tiền trước	117
Phụ lục 12: Kết quả thẩm định giá các khoản phải trả, trả trước cho người bán	118 - 121
Phụ lục 13: Kết quả thẩm định giá các khoản chi phí phải trả	122
Phụ lục 14: Kết quả thẩm định giá các khoản phải trả khác	123
Bảng thu thập thông tin so sánh để xác định lợi thế quyền sử dụng đất của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM666979	
Phụ lục 15: Bảng xác định lợi thế quyền sử dụng đất của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM666979	124 - 126
Bảng thu thập thông tin so sánh để xác định lợi thế quyền sử dụng đất của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0888695	
Phụ lục 16: Bảng xác định lợi thế quyền sử dụng đất của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0888695	127 - 128
Bảng thu thập thông tin so sánh để xác định lợi thế quyền sử dụng đất của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0888695	
Phụ lục 16.1: Bảng xác định lợi thế quyền sử dụng đất của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0888695	129 - 131
Bảng thu thập thông tin so sánh để xác định lợi thế quyền sử dụng đất của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0888695	
Phụ lục 16.1: Bảng xác định lợi thế quyền sử dụng đất của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0888695	132 - 133
Phụ lục 16: Ảnh hiện trạng thực tế	134 - 138

Số: 19/2022/CTTĐG-KVA

Ngày 22 tháng 03 năm 2023

CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)

- Căn cứ Hợp đồng thẩm định giá số 19/2022/HĐTĐG-KVA ngày 29 tháng 09 năm 2022 và Phụ lục Hợp đồng thẩm định giá số 19/2022/PLHĐTĐG-KVA ngày 20/03/2023 giữa Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA về việc thẩm định giá trị cổ phần và khoản nợ phải thu của DATC tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội;
- Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định giá số 19/2022/BCTĐG-KVA, ngày 22 tháng 03 năm 2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA cung cấp Chứng thư thẩm định giá số 19/2022/CTTĐG-KVA, ngày 22 tháng 03 năm 2023 với các nội dung sau đây:

1. KHÁCH HÀNG THẨM ĐỊNH GIÁ

Tên khách hàng: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)
Địa chỉ trụ sở chính: Số 51 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Mã số doanh nghiệp: 0101431355

2. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ

2.1 Tài sản thẩm định giá:

Giá trị cổ phần và khoản nợ phải thu của DATC tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội.

2.2 Thông tin về tài sản thẩm định giá:

Xem chi tiết tại Báo cáo thẩm định giá kèm theo.

3. THỜI ĐIỂM THẨM ĐỊNH GIÁ

Tại ngày 31/12/2022.

4. MỤC ĐÍCH THẨM ĐỊNH GIÁ

Làm cơ sở để Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) chuyển nhượng cổ phần và khoản nợ phải thu.

5. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật giá số 11/2012/QH 13 ngày 20/06/2012;
- Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;
- Thông tư 38/2014/TT-BTC ngày 28/03/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;
- Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính về ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 01, 02, 03 và 04;
- Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06/03/2015 của Bộ Tài chính về ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06, 07;
- Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/08/2015 của Bộ Tài chính về ban hành 03 (ba) Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam gồm: Tiêu chuẩn thẩm định giá số 8 – Cách tiếp cận từ thị trường; Tiêu chuẩn thẩm định giá số 9 – Cách tiếp cận từ chi phí; Tiêu chuẩn thẩm định giá số 10 – Cách tiếp cận từ thu nhập;

- Thông tư số 28/2021/TT-BTC ngày 27/04/2021 của Bộ Tài chính về ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá số 12 - Tiêu chuẩn thẩm định giá doanh nghiệp;
- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá số 315/TĐG cấp lần đầu ngày 19/11/2018 cấp lại lần thứ nhất ngày 14/12/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA do Cục Quản lý giá cấp;
- Hợp đồng thẩm định giá số 19/2022/HĐTĐG-KVA ngày 29 tháng 09 năm 2022 và và Phụ lục Hợp đồng thẩm định giá số 19/2022/PLHĐTĐG-KVA ngày 20/03/2023 giữa Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA.

6. CƠ SỞ GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ

- Qua phân tích các nguồn thông tin do khách hàng cung cấp, với mục đích tư vấn tham khảo xác định giá trị để mua bán nợ, Tổ thẩm định giá chọn cơ sở giá trị thị trường để thẩm định giá.
- Giá trị thị trường là mức giá ước tính của tài sản tại thời điểm, địa điểm thẩm định giá, giữa một bên là người mua sẵn sàng mua và một bên là người bán sẵn sàng bán, trong một giao dịch khách quan, độc lập, có đủ thông tin, các bên tham gia hành động một cách có hiểu biết, thận trọng và không bị ép buộc.
- Giá trị thị trường thể hiện qua mức giá hình thành trên thị trường công khai và cạnh tranh. Thị trường này có thể là thị trường trong nước hoặc quốc tế, có thể bao gồm nhiều người mua, người bán hoặc bao gồm một số lượng hạn chế người mua, người bán. Thành phần tham gia thị trường mua bán nợ Việt Nam gồm các tổ chức Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC), Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức Việt Nam (VAMC), các công ty quản lý tài sản của các ngân hàng (AMC), các tổ chức tín dụng...

7. GIẢ THIẾT LIÊN QUAN ĐẾN KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

- Việc tính toán giá trị tài sản dựa trên cơ sở giả định các tài liệu do Khách hàng cung cấp đảm bảo trung thực, hợp lý. Đặc biệt các số liệu về tài chính, báo cáo tài chính do đơn vị cung cấp được giả định là trung thực, khách quan, phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.
- Việc tính toán giá trị các khoản nợ trên cơ sở giả định Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt sẽ thực hiện phá sản do không thanh toán các khoản nợ đến hạn.
- Các giả định liên quan đến việc tính toán giá trị khoản nợ thu hồi từ tài sản đảm bảo là quyền sở hữu cổ phần thể chấp cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC).
- Các giả định liên quan đến việc tính toán giá trị khoản nợ thu hồi từ tài sản như quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị, nhà xưởng, hàng tồn kho,... và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt (HVS).

8. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH GIÁ

8.1 Xác định giá trị khoản nợ

Chi tiết xem tại mục 7.1 báo cáo thẩm định giá số: 19/2022/BCTĐG-KVA

8.2. Xác định giá trị cổ phần

Chi tiết xem tại mục 7.2 báo cáo thẩm định giá số: 19/2022/BCTĐG-KVA

9. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

Giá trị khoản nợ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt của DATC xác định tại thời điểm 31/12/2022 là:

344.969.478.000 đồng

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bốn tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn.

Giá trị cổ phần của DATC tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt xác định tại thời điểm 31/12/2022 là:

0 đồng

Bằng chữ: Không đồng.

10. THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

Sử dụng kết quả thẩm định giá trong vòng 06 tháng kể từ ngày phát hành Chứng thư thẩm định giá.

11. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ VÀ HẠN CHẾ CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

- Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng cho mục đích duy nhất theo yêu cầu của khách hàng đã được ghi tại Mục 4 của Chứng thư thẩm định giá này;
- Chứng thư thẩm định giá này không chứng thực quyền sở hữu tài sản và không có giá trị thay thế các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của pháp luật;
- Khách hàng yêu cầu thẩm định giá và người đại diện (của Bên khách hàng) phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin liên quan đến đặc điểm kinh tế kỹ thuật, số lượng của tài sản thẩm định giá đã cung cấp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA không có trách nhiệm kiểm tra tính xác thực của thông tin trên bản sao của các giấy tờ liên quan đến tài sản thẩm định so với bản gốc;
- Kết quả thẩm định giá được đưa ra trên cơ sở các tài liệu liên quan đến tài sản thẩm định giá do Khách hàng cung cấp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA cho rằng Khách hàng đã xem xét tất cả các thông tin và rằng các thông tin đó là cuối cùng, hoàn toàn chính xác, hoàn chỉnh, đáng tin cậy và không có sai sót hoặc bỏ quên những vấn đề trọng yếu có thể ảnh hưởng đến kết quả trong Báo cáo này;
- Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt chưa được kiểm toán. Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành về lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Khách hàng/Người sử dụng kết quả thẩm định giá cần xem xét các giả thiết kèm theo phương pháp thẩm định giá được trình bày trong Báo cáo kết quả thẩm định giá cũng như các vấn đề, thông tin khác có liên quan chưa được đề cập tại Báo cáo này có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định trước khi đưa ra quyết định sử dụng kết quả thẩm định giá. Kết quả thẩm định giá chỉ sử dụng làm một trong những căn cứ để các bên liên quan xem xét, quyết định giá đối với tài sản.

12. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Báo cáo kết quả thẩm định giá số 19/2022/BCTĐG-KVA, ngày 22 tháng 03 năm 2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA.

Chứng thư thẩm định giá được phát hành 04 bản chính bằng tiếng Việt tại Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA giữ 01 bản Tiếng Việt, Khách hàng thẩm định giá giữ 03 bản Tiếng Việt có giá trị như nhau.

Mọi hình thức sao chép Chứng thư thẩm định giá không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA đều là hành vi vi phạm pháp luật.

THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ



HÀ HUY KHỞI

Thẻ Thẩm định viên số: XIV19.2206



NGUYỄN TRUNG KIÊN

Thẻ Thẩm định viên số: V09.247

Số: 19/2022/BCTĐG-KVA

Ngày 22 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Chứng thư thẩm định giá 19/2022/CTTĐG-KVA, ngày 22 tháng 03 năm 2023)

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ:

Tên doanh nghiệp:	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA
Địa chỉ:	Số 15A ngõ 34 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
Mã số doanh nghiệp:	0107778032
Điện thoại:	024 2265 6666

2. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CUỘC THẨM ĐỊNH GIÁ:

2.1. Khách hàng thẩm định giá:

Tên khách hàng:	Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 51 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà
Mã số doanh nghiệp:	0101431355

2.2. Hợp đồng thẩm định giá:

Hợp đồng thẩm định giá số 19/2022/HĐTĐG-KVA ngày 29 tháng 09 năm 2022 và và Phụ lục Hợp đồng thẩm định giá số 19/2022/PLHĐTĐG-KVA ngày 20/03/2023 giữa Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA.

2.3. Tài sản Thẩm định giá:

Giá trị cổ phần và khoản nợ phải thu của DATC tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Việt.

2.4. Thời điểm thẩm định giá:

Tại ngày 31/12/2022.

2.5. Mục đích thẩm định giá:

Làm cơ sở để Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) chuyển nhượng cổ phần và khoản nợ phải thu.

2.6. Các nguồn thông tin được sử dụng:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500592241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/01/2010 và thay đổi lần thứ 5 ngày 07/07/2020;
- Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Việt chưa được kiểm toán;
- Hồ sơ tài liệu tài chính kế toán, các hợp đồng kinh tế có liên quan.

2.7. Căn cứ pháp lý để thẩm định giá:

- Luật giá số 11/2012/QH 13 ngày 20/06/2012;
- Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;
- Thông tư 38/2014/TT-BTC ngày 28/03/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;
- Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính về ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 01, 02, 03 và 04;
- Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06/03/2015 của Bộ Tài chính về ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06, 07;

- Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/08/2015 của Bộ Tài chính về ban hành 03 (ba) Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam gồm: Tiêu chuẩn thẩm định giá số 8 – Cách tiếp cận từ thị trường; Tiêu chuẩn thẩm định giá số 9 – Cách tiếp cận từ chi phí; Tiêu chuẩn thẩm định giá số 10 – Cách tiếp cận từ thu nhập;
- Thông tư số 28/2021/TT-BTC ngày 27/04/2021 của Bộ Tài chính về ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá số 12 - Tiêu chuẩn thẩm định giá doanh nghiệp;
- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá số 315/TĐG cấp lần đầu ngày 19/11/2018 cấp lại lần thứ nhất ngày 14/12/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA do Cục Quản lý giá cấp;
- Hợp đồng thẩm định giá số 19/2022/HĐTĐG-KVA ngày 29 tháng 09 năm 2022 và Phụ lục Hợp đồng thẩm định giá số 19/2022/PLHĐTĐG-KVA ngày 20/03/2023 giữa Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA.

3. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG HÌNH KINH TẾ NĂM 2022, DỰ BÁO HÌNH KINH TẾ NĂM 2023

3.1. Tổng quan tình hình kinh tế năm 2022

- Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, lần đầu tiên quy mô GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD. Ước tính GDP năm nay tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.
- Khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,10%, đóng góp 2,09 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Còn khu vực dịch vụ được khôi phục và tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ tăng năm 2022 đạt 9,99% - cao nhất trong giai đoạn 2011-2022.
- Tính chung cả năm 2022, cả nước có 148,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.590,9 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 981,3 nghìn lao động, tăng 27,1% về số doanh nghiệp, giảm 1,3% về vốn đăng ký và tăng 14,9% về số lao động so với năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2022 đạt 10,7 tỷ đồng, giảm 22,3% so với năm trước. Nếu tính cả 3.172,7 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 50,4 nghìn doanh nghiệp tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong năm 2022 là 4.763,5 nghìn tỷ đồng, tăng 15,2% so với năm trước. Bên cạnh đó, còn có 59,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 38,8% so với năm 2021, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2022 lên 208,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 30,3% so với năm 2021. Bình quân một tháng có 17,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.
- Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20-12-2022 (bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài) ước đạt gần 27,72 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2022 ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua.
- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới. Trong năm 2022, giá bán lẻ gas được điều chỉnh tăng 5 đợt và giảm 7 đợt, bình quân năm 2022 gas tăng 11,49% so với năm 2021; Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon tăng trong dịp Lễ, Tết làm cho giá gạo năm 2022 tăng 1,22% so với năm 2021; Giá các mặt hàng thực phẩm năm 2022 tăng 1,62% so với năm 2021; Giá nhà ở và vật liệu xây dựng năm 2022 tăng 3,11% so với năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào; Giá dịch vụ giáo dục năm 2022 tăng 1,44% so với năm 2021. Tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021 và lạm phát ở mức 3,15% - đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

3.2. Dự báo tình hình kinh tế năm 2023

- Xung đột Nga - Ukraine là một trong những yếu tố có thể khiến giá năng lượng biến động thất thường, tính bất định trở nên cao hơn, là nguyên nhân khiến kinh tế Liên minh châu Âu (EU) khó khăn, trong khi đây là thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam. Đồng thời, đầu tư FDI của các doanh nghiệp từ EU vào Việt Nam cũng có thể bị ảnh hưởng.
- Kinh tế thế giới rơi vào suy thoái. Trong năm qua, giá nhiên liệu và thực phẩm trên thế giới tăng rất mạnh, để chống lạm phát thì các ngân hàng trung ương lớn từ Mỹ tới châu Âu đã thực hiện thắt chặt tiền tệ. Trên thực tế, nguy cơ chính trong năm 2023 không phải là lạm phát mà là suy thoái kinh tế, thất nghiệp tăng cao và thu nhập giảm sút. Điều này sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường lớn, đồng thời làm giảm FDI từ các thị trường này vào Việt Nam.

- Nội tại nền kinh tế đang cho thấy một số vấn đề trên thị trường vốn, thị trường trái phiếu, cổ phiếu và thậm chí là thị trường tiền tệ với những điểm nghẽn, sự đứt gãy niềm tin nhất định. Thị trường vốn chưa hoạt động lại bình thường như trước khiến doanh nghiệp bên cạnh khó khăn về tiếp cận thị trường còn gặp khó trong vấn đề tiếp cận vốn hoặc tiếp cận được với chi phí vốn rất cao.
- Từ những điều nêu trên dự báo cho thấy tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 có thể đạt 6,83%. Xuất khẩu cả năm dự báo tăng 8,43%. Thặng dư thương mại dự báo tương ứng ở mức 8,15 tỷ USD. Lạm phát bình quân năm 2023 dự báo ở mức 3,69%.

4. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ

4.1. Thông tin về hợp đồng tín dụng và hợp đồng mua bán nợ

a. Thông tin về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp

Tên văn bản	Số, ngày ban hành	Nội dung
1.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 3007/2012/LCs-HV/BĐ Ngày 30/07/2012	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt. Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
2.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 1009/2012/LCs-HV/BĐ Ngày 10/09/2012	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt. Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
3.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 3007/2012/MSBLCs/BĐ Ngày 30/07/2012	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt. Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
4.Hợp đồng cho thuê tài chính	Hợp đồng cho thuê tài chính số 36.10.13/CTTC	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt. Bên nhận thế chấp: Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
5.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 01-2012/TBA/HĐTC/VC B-GTHV Ngày 06/11/2012	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
6.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 01-2011/TBA/HĐTC/VC B-GTHV Ngày 30/12/2011	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
7.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 02-2013/HĐTC-NHNT Ngày 16/05/2013	Bên thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Bên nhận thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt.
8.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 01/HĐTC-QTS/2013/GTHV Ngày 22/05/2013	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
9.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 04-2013/HĐTC-VCB-GTHVOTO Ngày 05/10/2013	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
10.Hợp đồng thế chấp quyền theo hợp đồng	Số 05-2013/HĐTC.VCB-GTHV QTS Ngày 05/10/2013	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
11.Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở	Số 06-2013/HĐTC.VCB-GTHV QSDĐ Ngày 11/10/2013	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch

12.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 01/HĐTC- 2008/HV-VCB	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
13.Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị	Số LD1125100143/HĐT C1 Ngày 23/09/2014	Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt.
14.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 03/2013/HĐTC CP Ngày 25/06/2013	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
15.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 01-2022/DATC- HVS Ngày 28/12/2022	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt. Bên nhận thế chấp: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)
16.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 02-2022/DATC- HVS-TVLXD Ngày 28/12/2022	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt. Bên nhận thế chấp: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)
17.Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ	Số LD1125100143/HĐT C/08 Ngày 28/09/2012	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
18.Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ	Số LD1125100143/HĐT C/09 Ngày 01/11/2012	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
19.Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ	Số LD1125100143/HĐT C/10 Ngày 12/12/2012	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
20.Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ	Số LD1125100143/HĐT C/11 Ngày 07/01/2013	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
21.Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ	Số LD1125100143/HĐT C/12 Ngày 16/01/2013	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
22.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 01-2013/OTO /HĐTC/VCB-GTHV Ngày 21/05/2013	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
23.Hợp đồng thế chấp tài sản	Số 08.04/2013/BĐ Ngày 08/04/2013	Bên thế chấp: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt Bên nhận thế chấp: Sở giao dịch - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.
24.Hợp đồng tín dụng	Số 32/2011/KHDNL Ngày 02/08/2011	Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Bên vay: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt
25.Hợp đồng tín dụng hạn mức	Số 01.1009/2012/HĐTD HM Ngày 10/09/2012	Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Bên vay: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt
26.Hợp đồng tín dụng	Số KHGTHV 120149/HM Ngày 24/05/2012	Bên cho vay: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Bên vay: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt
27.Hợp đồng tín dụng	Số KHGTHV 120274/HM Ngày 08/11/2012	Bên cho vay: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Bên vay: Công ty Cổ phần Tập đoàn gang thép Hàn Việt

b. Thông tin về hợp đồng mua bán nợ

1.Hợp đồng mua bán nợ	Số 01.12/2015/MSB-DATC Ngày 29/12/2015	Bên mua nợ: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam Bên bán nợ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam
2.Hợp đồng mua bán nợ	60/2015/SGDVCB-DATC Ngày 08/12/2015	Bên mua nợ: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) Bên bán nợ: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
3.Hợp đồng mua bán nợ	Số 62/2015/SACOMBA NK-DATC Ngày 16/12/2015	Bên mua nợ: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam Bên bán nợ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín- chi nhánh Thanh Trì.
4.Hợp đồng mua bán nợ	Số 01/2016/VCBL-DATC Ngày 07/06/2016	Bên mua nợ: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam Bên bán nợ: Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ủy quyền cho Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBL)

Theo cung cấp từ phía Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), tại thời điểm 31/12/2022 HVS hiện đang nợ DATC tổng số tiền là 462.726.364.889 đồng trong đó dư nợ gốc là 211.306.751.267 đồng, dư nợ lãi là 251.419.613.622 đồng.

4.2. Thông tin chung về cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội được thẩm định giá

a. Khái quát chung về công ty

- Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội Việt
- Tên viết tắt: HGS
- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quất Động, Xã Quất Động, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Mã số thuế: 0500592241
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng
- Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022:

	Giá trị phần vốn góp của chủ sở	Tỷ lệ
+ Công TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	107.389.300.000	51,14%
+ Ông Mai Xuân Lượng	74.258.000.000	35,36%
+ Cổ đông lẻ	28.352.700.000	13,50%
Cộng	210.000.000.000	100%

b. Ngành, nghề kinh doanh chính

Sản xuất phôi thép để cung cấp cho nhà máy cán thép hình trong nước.

c. Thông tin về tài sản, nợ phải trả của doanh nghiệp

Tài sản của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội theo báo cáo tài chính tại 31/12/2022 gồm:

- + Nhà máy luyện phôi thép và nhà máy cán;
- + Xây dựng cơ bản dở dang;
- + Chi phí trả trước;
- + Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng;
- + Hàng tồn kho;
- + Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác;
- + Khoản cho vay;
- + Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác;

Nợ phải trả của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội theo báo cáo tài chính tại 31/12/2022 gồm:

- + Các khoản phải trả người bán;
- + Thuế và các khoản phải nộp nhà nước;
- + Phải trả cán bộ công nhân viên;
- + Chi phí phải trả;
- + Các khoản vay;
- + Phải trả phải nộp khác.

d. Những rủi ro trong kinh doanh của doanh nghiệp

Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay.

Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty. Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Điện lực, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các nhà máy và các dự án của Công ty như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại từ phá hủy một phần đến hoàn toàn, thậm chí ảnh hưởng đến sự an toàn của cán bộ công nhân viên và môi trường sinh thái trong khu vực.

5. CƠ SỞ GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Qua phân tích các nguồn thông tin do khách hàng cung cấp, với mục đích tư vấn tham khảo xác định giá trị để mua bán nợ, tổ thẩm định giá chọn cơ sở giá trị thị trường để thẩm định giá.
- Giá trị thị trường là mức giá ước tính của tài sản tại thời điểm, địa điểm thẩm định giá, giữa một bên là người mua sẵn sàng mua và một bên là người bán sẵn sàng bán, trong một giao dịch khách quan, độc lập, có đủ thông tin, các bên tham gia hành động một cách có hiểu biết, thận trọng và không bị ép buộc.
- Giá trị thị trường thể hiện qua mức giá hình thành trên thị trường công khai và cạnh tranh. Thị trường này có thể là thị trường trong nước hoặc quốc tế, có thể bao gồm nhiều người mua, người bán hoặc bao gồm một số lượng hạn chế người mua, người bán. Thành phần tham gia thị trường mua bán nợ Việt Nam gồm các tổ chức Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC), Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức Việt Nam (VAMC), các công ty quản lý tài sản của các ngân hàng (AMC), các tổ chức tín dụng...

6. GIẢ THIẾT LIÊN QUAN ĐẾN KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

- Việc tính toán giá trị tài sản dựa trên cơ sở giả định các tài liệu do Khách hàng cung cấp đảm bảo trung thực, hợp lý. Đặc biệt các số liệu về tài chính, báo cáo tài chính do đơn vị cung cấp được giả định là trung thực, khách quan, phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.
- Việc tính toán giá trị các khoản nợ trên cơ sở giả định Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội sẽ thực hiện phá sản do không thanh toán các khoản nợ đến hạn.
- Các giả định liên quan đến việc tính toán giá trị khoản nợ thu hồi từ tài sản bảo đảm là quyền sở hữu cổ phần thế chấp cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC).
- Các giả định liên quan đến việc tính toán giá trị khoản nợ thu hồi từ tài sản như quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị, nhà xưởng, hàng tồn kho... và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội.

7. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH GIÁ:

7.1. Xác định giá trị khoản nợ

Tài sản thẩm định giá là các khoản nợ (nợ gốc và nợ lãi) tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội (bên nợ) của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) (chủ nợ). Các khoản nợ này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Cụm Công nghiệp Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, máy móc thiết bị, nhà xưởng, hàng tồn kho,... Tuy nhiên, theo báo cáo tài liệu cho Khách hàng cung cấp Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội đã không thể thực hiện được nghĩa vụ thanh toán nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán. Do đó theo điều 5, luật phá sản năm 2014 DATC với tư cách là chủ nợ có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tổ thẩm định giá khoản nợ (nợ gốc và nợ lãi) dựa trên giả định Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội sẽ thực hiện phá sản. Giá trị khoản nợ được tính toán dựa trên cơ sở nguồn thu từ 2 phần.

a. Xử lý tài sản bảo đảm

Theo khoản 3, điều 53, Luật phá sản 2014:

Đối với khoản nợ có bảo đảm được xác lập trước khi Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được thanh toán bằng tài sản bảo đảm đó.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn số nợ thì phần chênh lệch được nhập vào giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

b. Xử lý các tài sản khác của doanh nghiệp để thu hồi số tiền còn nợ sau khi xử lý tài sản bảo đảm.

Theo điều 54, Luật phá sản 2014:

Trường hợp Thẩm phán ra quyết định tuyên bố phá sản thì tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã được phân chia theo thứ tự sau.

Chi phí phá sản;

Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;

Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;

Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ;

Nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này thì từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ;

Vận dụng trường hợp định giá khoản nợ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt (nay gọi tắt là HVS): Theo các hợp đồng thế chấp, tài sản được thế chấp được đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ (nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và phí phát sinh liên quan - nếu có). Theo cung cấp từ phía Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), tại thời điểm 31/12/2022 HVS hiện đang nợ DATC tổng số tiền là 462.726.364.889 đồng trong đó dư nợ gốc là 211.306.751.267 đồng, dư nợ lãi là 251.419.613.622 đồng..

Nếu giá trị tài sản đảm bảo lớn hơn số tiền HVS đang nợ DATC tức là giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn 462.726.364.889 đồng, giá trị khoản nợ bằng 462.726.364.889 đồng;

Nếu giá trị tài sản đảm bảo định giá lại nhỏ hơn số tiền HVS đang nợ DATC tức là giá trị tài sản đảm bảo nhỏ hơn 462.726.364.889 đồng, thì phần chênh lệch giữa số tiền là HVS đang nợ trừ đi giá trị tài sản bảo đảm sẽ được coi là khoản nợ không có tài sản bảo đảm. Lúc này sẽ thực hiện đánh giá lại tài sản còn lại của doanh nghiệp sau đó trừ đi các khoản theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Phí phá sản
2. Các khoản phải trả người lao động, BHXH
3. Nghĩa vụ phải nộp đối với Nhà nước
4. Khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ.

Phần tài sản còn lại sau khi đã trừ đi các khoản nợ nêu trên sẽ được lấy làm cơ sở để xác định phần nợ còn lại của HVS sẽ được thanh toán.

Trong trường hợp giá trị tài sản đánh giá lại sau khi trừ các khoản nợ được thanh toán theo thứ tự nêu trên nhỏ hơn không (0) tức là tài sản của doanh nghiệp không đủ để thanh toán các khoản nợ. Do đó trong trường hợp này nguồn thu từ các tài sản khác của HVS bằng không. Giá trị khoản nợ bằng giá trị thu hồi từ tài sản bảo đảm.

Trong trường hợp giá trị tài sản đánh giá lại sau khi trừ các khoản nợ được thanh toán theo thứ tự nêu trên lớn hơn không (0) tức là tài sản của doanh nghiệp đủ để thanh toán các khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

Trường hợp này giá trị nguồn thu từ các tài sản khác của doanh nghiệp tính bằng:

$\frac{\text{Số tiền HVS còn nợ DATC sau khi trừ đi giá trị TSBĐ}}{\text{Tổng nghĩa vụ nợ doanh nghiệp còn phải trả đối với khoản nợ có TSBĐ chưa thanh toán hết}}$	$\times \text{Giá trị tài sản còn lại sau khi đã thanh toán các khoản nợ ưu tiên trước.}$
---	---

7.2. Xác định giá trị cổ phần

Giá trị Cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt được xác định trên cơ sở giá trị vốn chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt được thẩm định giá theo tiêu chuẩn thẩm định giá số 12 - Thẩm định giá doanh nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 28/2021/TT-BTC ngày 27/04/2021 của Bộ Tài chính). Thẩm định viên tiếp cận giá trị vốn chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt theo các cách tiếp cận với phương pháp thẩm định giá sau:

Tiếp cận từ thị trường: giá trị vốn chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt được xác định theo Phương pháp giá giao dịch hoặc Phương pháp tỷ số bình quân. Do đặc thù của mỗi nhà máy gang thép sử dụng công nghệ, thiết bị, quy mô, công suất và khả năng vận hành là khác nhau nên tính tương đồng giữa các nhà máy là thấp, theo đó việc sử dụng phương pháp tỷ số bình quân không phù hợp. Đối với phương pháp giá giao dịch đòi hỏi phải có 3 giao dịch gần với thời điểm thẩm định giá không quá 1 năm.

Tiếp cận từ thu nhập: Theo Báo cáo tài chính các năm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt (HVS) mà chúng tôi thu thập được, tình hình sản xuất kinh doanh của HVS đã thua lỗ trong nhiều năm. Phần vốn chủ sở hữu của HVS tại thời điểm 31/12/2022 hiện đang âm 294.303.196.846 đồng. Các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh không đủ căn cứ và cơ sở đáng tin cậy để chúng tôi sử dụng các phương pháp định giá về chiết khấu dòng tiền tự do, chiết khấu dòng cổ tức, chiết khấu dòng tiền thuần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Vì vậy, chúng tôi không sử dụng các phương pháp khác để xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt.

Tiếp cận từ chi phí: Giá trị vốn chủ sở hữu xác định theo phương pháp tài sản trên cơ sở Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 chưa được kiểm toán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Phương pháp tài sản có những hạn chế cố hữu do xem xét Giá trị vốn chủ sở hữu ở trạng thái tĩnh, tại thời điểm thẩm định giá, không phản ánh hết được các yếu tố rủi ro tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên vì hoạt động sản xuất kinh doanh của HVS liên tục lỗ trong nhiều năm nên phương pháp chiết khấu dòng cổ tức cũng như chiết khấu dòng tiền không có căn cứ để áp dụng. Với đặc thù của doanh nghiệp là nhà máy sản xuất gang thép có sản phẩm sản xuất phụ thuộc nhiều vào công nghệ sản xuất, trang thiết bị máy móc và quy mô nhà máy sản xuất nên giá trị nhà máy gang thép được tiếp cận từ phương pháp tài sản sẽ phản ánh được giá trị sử dụng của tài sản theo nguyên tắc sử dụng tốt nhất hiệu quả nhất. Vậy nên phương pháp tài sản là phương pháp chính để xác định giá trị phần vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt.

8. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CẦN THẨM ĐỊNH GIÁ

8.1. Xác định giá trị khoản nợ

Sau khi tiến hành thu thập thông tin cung cấp từ khách hàng, thông tin từ việc đi khảo sát thực tế, thông tin từ các hợp đồng kinh tế cùng với sự tham khảo từ nhiều nguồn thông tin kết hợp với kinh nghiệm, khả năng xét đoán và ngân hàng dữ liệu thẩm định giá của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA. Tổ thẩm định giá đưa ra kết quả dự kiến giá trị phần tài sản bảo đảm tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt cho khoản nợ của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

Phần tài sản tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt thế chấp để bảo đảm khoản nợ của DATC	338.281.535.000 đồng	Chi tiết tại PL10
Phần tài sản của Công ty CP Công nghệ điện tử Vinachiva thế chấp tại DATC để bảo đảm khoản nợ cho HVS	1.384.088.000 đồng	Chi tiết tại PL10
Phần tài sản của Công ty CP Thép và Vật liệu Xây dựng thế chấp tại DATC để bảo đảm khoản nợ cho HVS	5.303.855.000 đồng	Chi tiết tại PL10
Tổng giá trị phần tài sản bảo đảm khoản nợ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt của DATC dự kiến được xác định tại thời điểm 31/12/2022 là:	344.969.478.000 đồng	

Vậy giá trị của tài sản bảo đảm cho khoản nợ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt (HVS) của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) (chủ nợ) bằng 344.969.478.000 đồng. So sánh giá trị tài sản bảo đảm đánh giá lại là 344.969.478.000 đồng nhỏ hơn số tiền HVS đang nợ DATC là 462.726.364.889 đồng. Do đó, thực hiện đánh giá lại giá trị các tài sản còn lại của doanh nghiệp để xác định nguồn thu.

Xác định các nguồn thu từ các tài sản khác của doanh nghiệp

Giá trị nguồn thu từ các tài sản khác của doanh nghiệp = Phần tổng giá trị đánh giá lại các tài sản của doanh nghiệp (không bao gồm giá trị các tài sản bảo đảm đã thế chấp, cầm cố cho DATC và các TCTD khác) sau khi đã trừ đi chi phí phá sản, các khoản phải trả người lao động, nghĩa vụ phải trả đối với Nhà nước, khoản nợ không có bảo đảm phải trả.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu (1)	Số liệu sổ sách kế toán tại 31/12/2022 (2)	Số liệu xác định lại tại (3)
I. Tài sản dài hạn	146.723.364.865	100.829.970.071
1. Tài sản cố định	68.549.111.186	29.769.985.475
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	71.142.690.818	64.028.421.736
3. Chi phí trả trước dài hạn	1.714.775.129	1.714.775.129
4. Phải thu dài hạn khác	5.316.787.732	5.316.787.732
II. Tài sản ngắn hạn	42.312.674.064	42.312.674.064
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	55.611.326	55.611.326

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn	17.996.137.203	17.996.137.203
3. Hàng tồn kho	11.167.096.934	11.167.096.934
4. Trả trước cho người bán	2.444.317.370	2.444.317.370
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.159.283.583	1.159.283.583
6. Phải thu ngắn hạn khác	2.157.014.328	2.157.014.328
7. Tài sản ngắn hạn khác	7.333.213.320	7.333.213.320
Tổng tài sản để thanh toán nợ	189.036.038.929	143.142.644.135
1. Ưu tiên thanh toán 1		737.568.179
Phí phá sản		737.568.179
Giá trị tài sản còn lại		142.405.075.956
2. Ưu tiên thanh toán 2	2.228.204.690	1.203.772.455
Khoản phải trả người lao động	1.203.772.455	1.203.772.455
Giá trị tài sản còn lại		141.201.303.501
3. Ưu tiên thanh toán 3	1.149.475.693	140.000.000
Các khoản phải trả nhà nước	140.000.000	140.000.000
Giá trị tài sản còn lại		141.061.303.501
4. Ưu tiên thanh toán 4	279.398.604.587	279.398.604.587
Phải trả người bán	231.734.986.260	231.734.986.260
Người mua trả tiền trước	2.397.603.115	2.397.603.115
Chi phí phải trả ngắn hạn	29.814.684.786	29.814.684.786
Phải trả ngắn hạn khác	15.451.330.426	15.451.330.426

Giá trị tài sản của doanh nghiệp sau khi thanh toán các khoản nợ ưu tiên 1, 2 và 3 là 141.061.303.501 đồng nhỏ hơn giá trị các khoản nợ ưu tiên thanh toán 4 (các khoản nợ không có tài sản bảo đảm) là 279.398.604.587 đồng. Do đó doanh nghiệp không còn tài sản để thanh toán các khoản nợ cho các nghĩa vụ trả nợ còn lại liên quan đến khoản nợ có tài sản bảo đảm nhưng chưa thanh toán hết. Giá trị khoản nợ thu hồi từ việc xử lý tài sản khác của doanh nghiệp trong trường hợp phá sản doanh nghiệp bằng 0 đồng.

Giá trị các khoản nợ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội Việt được xác định bằng giá trị của tài sản bảo đảm:

344.969.478.000 đồng

8.2. Xác định giá trị một cổ phần

Theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội Việt tại thời điểm 31/12/2022. Số liệu như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán tại 31/12/2022	Số liệu xác định lại 31/12/2022	Chênh lệch	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)	
A. TỔNG TÀI SẢN	611.523.271.917	469.009.510.497	(142.513.761.420)	
I. Tài sản dài hạn	569.210.597.853	426.696.836.433	(142.513.761.420)	
1. Tài sản cố định	489.036.344.174	352.706.286.836	(136.330.057.338)	(1)
- Nhà cửa vật kiến trúc	231.480.436.491	205.755.894.660	(25.724.541.832)	PL3.1
- Máy móc thiết bị; phương tiện vận tải; truyền dẫn; thiết bị quản lý	257.555.907.683	116.069.135.170	(141.486.772.512)	PL4.1
- Giá trị quyền sử dụng đất	-	30.881.257.006	30.881.257.006	PL15.1; 16.1
2. Bất động sản đầu tư	2.000.000.000	2.930.565.000	930.565.000	(2)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	71.142.690.818	64.028.421.736	(7.114.269.082)	(3)
4. Chi phí trả trước dài hạn	1.714.775.129	1.714.775.129	-	(4)
5. Phải thu dài hạn khác	5.316.787.732	5.316.787.732	-	(5)
II. Tài sản ngắn hạn	42.312.674.064	42.312.674.064	-	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	55.611.326	55.611.326	-	(6)
2. Phải thu khách hàng ngắn hạn	17.996.137.203	17.996.137.203	-	(7)
3. Hàng tồn kho	11.167.096.934	11.167.096.934	-	(8)
4. Trả trước cho người bán	2.444.317.370	2.444.317.370	-	(9)
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.159.283.583	1.159.283.583	-	(10)
6. Phải thu ngắn hạn khác	2.157.014.328	2.157.014.328	-	
7. Tài sản ngắn hạn khác	7.333.213.320	7.333.213.320	-	(11)
III. Giá trị thương hiệu	-	-	-	(12)
B. NỢ PHẢI TRẢ	905.826.468.763	905.826.468.763	-	(13)
I. Nợ ngắn hạn	776.225.429.116	776.225.429.116	-	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	231.734.986.260	231.734.986.260	-	

2. Người mua trả tiền trước	2.397.603.115	2.397.603.115	-	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà	140.000.000	140.000.000	-	
4. Phải trả người lao động	1.203.772.455	1.203.772.455	-	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	281.234.298.408	281.234.298.408	-	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	154.284.301	154.284.301	-	
7. Phải trả ngắn hạn khác	18.922.098.970	18.922.098.970	-	
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	240.438.385.607	240.438.385.607	-	
II. Nợ dài hạn	129.601.039.647	129.601.039.647	-	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	129.601.039.647	129.601.039.647	-	
C. GIÁ TRỊ VỐN CHỦ SỞ HỮU DOANH NGHIỆP = A-B	(294.303.196.846)	(436.816.958.266)	(142.513.761.420)	

Do phần tài sản của doanh nghiệp sau khi đã xác định lại giá trị vẫn chưa đủ để tài trợ cho các khoản nợ mà doanh nghiệp phải chi trả. Cụ thể các khoản nợ doanh nghiệp phải chi trả tại thời điểm 31/12/2022 là 905.826.468.763 đồng còn giá trị tài sản sau khi đánh giá lại là 469.009.510.497 đồng. Từ đó cho thấy giá trị tài sản chưa đủ để tài trợ cho các khoản nợ của doanh nghiệp. Do đó:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép
Hàn Việt xác định theo phương pháp tài sản tại thời điểm 31/12/2022 là:

0 đồng

Thuyết minh:

(1) Tài sản cố định

Xác định lại giá trị của Tài sản cố định xem chi tiết tại các Phụ lục: 1; 2; 3; 3.1; 4; 4.1; 5; 5.1.

(2) Bất động sản đầu tư

Xác định lại giá trị của Bất động sản đầu tư tại Phụ lục 6.

(3) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang được xác định căn cứ vào Biên bản kiểm kê hiện trạng thực tế của công trình xây dựng cơ bản dở dang kết hợp với khảo sát thực tế và tiến hành đối chiếu sổ liệu kế toán tại ngày 31/12/2022. Chi tiết xem tại Phụ lục 8

(4) Chi phí trả trước dài hạn

Xác định lại giá trị của chi phí trả trước dài hạn tại Phụ lục 7.

(5) Các khoản phải thu dài hạn khác

Giá trị của các khoản phải thu dài hạn khác như sau:

	Giá trị sổ kế toán tại 31/12/2022	Giá trị xác định lại tại 31/12/2022	Chênh lệch
Cty TNHH MTV cho thuê TC-NH TMCP Ngoại thương VN	5.316.787.732	5.316.787.732	0
	5.316.787.732	5.316.787.732	0

Tại thời điểm thẩm định giá, Tổ thẩm định không được cung cấp biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ hay bất cứ tài liệu nào liên quan đến các khoản phải thu dài hạn khác này. Tổ thẩm định giá định khả năng thu hồi của các khoản thu dài hạn khác là 100%

(6) Tiền và các khoản tương đương tiền

	Giá trị sổ kế toán tại 31/12/2022	Giá trị xác định lại tại 31/12/2022	Chênh lệch
1. Tiền mặt	46.027.977	46.027.977	0
2. Tiền gửi Ngân hàng	9.583.349	9.583.349	0
	55.611.326	55.611.326	0

Tổ thẩm định không được cung cấp biên bản kiểm kê quỹ tại ngày 31/12/2022 cũng như không được chứng kiến việc kiểm kê quỹ tiền mặt (46.027.977 đồng) tại thời điểm này. Tổ thẩm định giá định số dư quỹ tiền mặt tại thời điểm 31/12/2022 là chính xác.

(7) Các khoản phải thu khách hàng

Xác định lại giá trị của các khoản phải thu khách hàng. Chi tiết xem tại phụ lục 11.

Tại thời điểm thẩm định giá, Tổ thẩm định không được cung cấp biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ hay bất cứ tài liệu nào liên quan đến các khoản phải thu khách hàng. Tổ thẩm định giả định khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng là 100%

(8) Hàng tồn kho

Xác định lại giá trị của hàng tồn kho tại Phụ lục 9.

(9) Các khoản Trả trước cho người bán ngắn hạn

Xác định lại giá trị các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn, theo Phụ lục 12 đính kèm.

Tại thời điểm thẩm định giá, Tổ thẩm định không được cung cấp biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ hay bất cứ tài liệu nào liên quan đến các khoản trả trước cho người bán. Tổ thẩm định giả định khả năng thu hồi của các khoản trả trước cho người bán là 100%

(10) Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn

Giá trị của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

	Giá trị sổ kế toán tại 31/12/2022	Giá trị xác định lại tại 31/12/2022	Chênh lệch
1. Công ty CP Công nghệ Điện tử VINACHIVA	59.283.583	59.283.583	0
2. NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Nam HN	1.100.000.000	1.100.000.000	0
	1.159.283.583	1.159.283.583	0

(11) Tài sản ngắn hạn khác

Bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán tại 31/12/2022	Giá trị xác định lại tại 31/12/2022	Chênh lệch
Thuế GTGT được khấu trừ	7.333.213.320	7.333.213.320	0
	7.333.213.320	7.333.213.320	0

Giá trị khoản thuế GTGT được khấu trừ được ghi nhận theo báo cáo tài chính được lập bởi Công ty Cổ phần Tập Đoàn Gang thép Hàn Việt.

(13) Các khoản nợ phải trả

Theo Báo cáo tài chính các năm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt (HVS) mà chúng tôi thu thập được, tình hình sản xuất kinh doanh của HVS đã thua lỗ trong nhiều năm. Phần vốn chủ sở hữu của HVS tại thời điểm 31/12/2022 hiện đang âm 294.303.196.846 đồng. Các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh không đủ căn cứ và cơ sở đáng tin cậy để chúng tôi sử dụng để đánh giá giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt. Từ đó tổ thẩm định giá xác định giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt bằng 0.

(13) Các khoản nợ phải trả

Tại thời điểm thẩm định giá Tổ thẩm định không được cung cấp biên bản đối chiếu xác nhận nợ liên quan đến khoản phải trả người bán. Tổ thẩm định giả định tại thời điểm thẩm định giá số dư tài khoản các khoản nợ phải trả không đổi và HVS phải sẽ phải thanh toán đầy đủ các khoản phải trả này

	Giá trị sổ kế toán tại 31/12/2022	Giá trị xác định lại tại 31/12/2022	Chênh lệch
I. Nợ ngắn hạn	776.225.429.116	776.225.429.116	0
1. Phải trả người bán ngắn hạn (xem chi tiết tại phụ lục 12)	231.734.986.260	231.734.986.260	0
2. Người mua trả tiền trước	2.397.603.115	2.397.603.115	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	140.000.000	140.000.000	0
- Thuế GTGT phải nộp	140.000.000	140.000.000	0
3. Phải trả người lao động	1.203.772.455	1.203.772.455	0
4. Chi phí phải trả ngắn hạn (Chi tiết tại phụ lục 13)	281.234.298.408	281.234.298.408	0
5. Doanh thu chưa thực hiện	154.284.301	154.284.301	0
6. Phải trả ngắn hạn khác (Chi tiết tại phụ lục 14)	18.922.098.970	18.922.098.970	0

7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	240.438.385.607	240.438.385.607	0
- Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam	211.306.751.267	211.306.751.267	0
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (*)	26.740.749.087	26.740.749.087	0
- Cá nhân	2.390.885.253	2.390.885.253	0
II. Nợ dài hạn	129.601.039.647	129.601.039.647	0
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	129.601.039.647	129.601.039.647	0
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (*)	129.601.039.647	129.601.039.647	0
	905.826.468.763	905.826.468.763	0

Đối với các khoản công nợ, số dư được xác định trên cơ sở biên bản đối chiếu và trên cơ sở thu thập hồ sơ phát sinh công nợ, các chứng từ có liên quan bao gồm cả thanh toán sau ngày khóa sổ. Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt có trách nhiệm đối chiếu và xác nhận các khoản công nợ phải trả.

(*) Khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex là khoản dư nợ gốc được xác định theo thông báo Số: .../2023/CV-PGB-HV ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc thu nợ khoản vay tại PG Bank.

8.3. Kết quả thẩm định giá

a. Xác định giá trị khoản nợ

Giá trị khoản nợ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt của DATC xác định tại thời điểm 31/12/2022 là: **344.969.478.000 đồng**

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bốn tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn.

b. Xác định giá trị cổ phần

Kết quả xác định Giá trị vốn chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt theo phương pháp tài sản, cụ thể như sau:

1. Giá trị phần vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt xác định tại thời điểm 31/12/2022 là: **0 đồng**

Làm tròn: **0 đồng**

Bằng chữ: Không đồng.

2. Giá trị cổ phần của DATC tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt xác định tại thời điểm 31/12/2022 là: **0 đồng**

Làm tròn: **0 đồng**

Bằng chữ: Không đồng.

9. THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

Thời hạn sử dụng kết quả thẩm định trong vòng 06 tháng kể từ ngày phát hành báo cáo này, tuy nhiên chúng tôi lưu ý Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) khi sử dụng chứng thư cho mục đích nêu trên cần xem xét đầy đủ những thay đổi trong hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hàn Việt và những thay đổi về thị trường từ thời điểm phát hành báo cáo này đến thời điểm sử dụng kết quả thẩm định giá để đưa ra quyết định.

10. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ VÀ HẠN CHẾ

- Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng cho mục đích duy nhất theo yêu cầu của khách hàng đã được ghi tại Mục 4 của Chứng thư thẩm định giá này;
- Chứng thư thẩm định giá này không chứng thực quyền sở hữu tài sản và không có giá trị thay thế các giấy tờ pháp lý khác theo quy định của pháp luật;
- Khách hàng yêu cầu thẩm định giá và người đại diện (của Bên khách hàng) phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin liên quan đến đặc điểm kinh tế kỹ thuật, số lượng của tài sản thẩm định giá đã cung cấp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA không có trách nhiệm kiểm tra tính xác thực của thông tin trên bản sao của các giấy tờ liên quan đến tài sản thẩm định so với bản gốc;

- Kết quả thẩm định giá được đưa ra trên cơ sở các tài liệu liên quan đến tài sản thẩm định giá do Khách hàng cung cấp cho Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA cho rằng Khách hàng đã xem xét tất cả các thông tin và rằng các thông tin đó là cuối cùng, hoàn toàn chính xác, hoàn chỉnh, đáng tin cậy và không có sai sót hoặc bỏ quên những vấn đề trọng yếu có thể ảnh hưởng đến kết quả trong Báo cáo này;
- Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội chưa được kiểm toán. Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành về lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Khách hàng/Người sử dụng kết quả thẩm định giá cần xem xét các giả thiết kèm theo phương pháp thẩm định giá được trình bày trong Báo cáo kết quả thẩm định giá cũng như các vấn đề, thông tin khác có liên quan chưa được đề cập tại Báo cáo này có thể ảnh hưởng đến kết quả thẩm định trước khi đưa ra quyết định sử dụng kết quả thẩm định giá. Kết quả thẩm định giá chỉ sử dụng làm một trong những căn cứ để các bên liên quan xem xét, quyết định giá đối với tài sản.

Báo cáo kết quả thẩm định giá được phát hành 04 bản chính bằng tiếng Việt kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 19/2022/BCTĐG-KVA, ngày 22 tháng 03 năm 2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA.

THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ



HÀ HUY KHÔI

Thẻ Thẩm định viên số: XIV19.2206



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Thẻ Thẩm định viên số: V09.247

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC, ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo thẩm định giá số 19/2022/BCTĐG-KVA ngày 22/03/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA)

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
I	Nhà cửa, vật kiến trúc				
1	Nhà văn phòng chính giai đoạn 2	- Đặc điểm: + Khu nhà cao 4 tầng, kết cấu tường gạch chịu lực. + Tầng một cao khoảng 4m, các tầng trên cao khoảng 2m5 + Móng đổ bê tông lót móng. + Nền nhà lát gạch Ceramic 40x40, tường trát vữa 2 mặt XM mác 75, quét vôi + Nhà vệ sinh lát gạch men chống trượt, dốc về lỗ thu nước, tường nhà vệ sinh ốp gạch men - Hiện trạng: Nhà đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan tương đối đẹp, các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	HT	1
2	Hàng rào bao quanh nhà máy nâng cấp giai đoạn 2	- Đặc điểm: + Tường 110 xây gạch, trát vữa, sơn bả chạy dọc quanh nhà máy, chiều cao khoảng 3m5, đã từng được tu sửa nâng chiều cao, trên tường có gắn chông sắt. - Hiện trạng: Tường rào đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan cũ, nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn chắc chắn, vẫn đang được sử dụng bình thường.	2012	HT	1
3	Chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất		2010	HT	1
4	Nhà xưởng CN số 1	- Đặc điểm + Nhà xưởng cao khoảng 15m bao gồm nóc gió + Mái nhà xưởng : được sử dụng với tôn màu mạ kẽm, dán tấm cách nhiệt nhằm chống nóng và chống ồn. Sử dụng xà gồ mạ kẽm. + Nền nhà đổ bê tông + Khung nhà xưởng từ cột, dầm đều bằng kèo thép. + Nhà xưởng có diện tích khoảng 2000m2 - Hiện trạng: Nhà xưởng sử dụng lâu năm. Có ngoại quan cũ tường và kết cấu cột thép có dấu hiệu bong tróc nhưng các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện tại đã tạm ngưng sử dụng	2010	HT	1
5	Văn phòng NMD	- Đặc điểm: + Khu nhà cấp 4 một tầng, kết cấu tường gạch chịu lực. + Nền nhà được đầm chặt, Móng đổ bê tông lót móng . + Sàn nhà đổ bê tông . - Hiện trạng: Nhà đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan cũ, các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2010	HT	1
6	Căng tin	- Đặc điểm: + Khu nhà một tầng, kết cấu tường gạch chịu lực. + Nền nhà được đầm chặt, Móng đổ bê tông lót móng . - Hiện trạng: Nhà đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan cũ, các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được xây dựng cạnh nhà máy đúc nhưng hiện tại đã không còn được sử dụng.	2010	HT	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
7	Nhà xưởng 700m	- Đặc điểm + Nhà xưởng cao khoảng 10m + Mái nhà xưởng : được sử dụng với tôn màu mạ kẽm, dán tấm cách nhiệt nhằm chống nóng và chống ồn. + Nền nhà đổ bê tông + Khung nhà xưởng từ cột, dầm đều bằng kèo thép, vây xung quanh tường đều bằng tôn. Xung quanh nhà xưởng có tường bao quanh + Nhà xưởng có diện tích khoảng 700m² nằm trên khu đất rộng 10612m² - Hiện trạng: Nhà xưởng sử dụng lâu năm. Có ngoại quan cũ tường và kết cấu cột thép có dấu hiệu bong tróc nhưng các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện tại đang cho thuê.	2014	HT	1
8	Nhà xưởng 1692m	- Đặc điểm + Nhà xưởng cao khoảng 10m + Mái nhà xưởng : được sử dụng với tôn màu mạ kẽm, dán tấm cách nhiệt nhằm chống nóng và chống ồn. + Nền nhà đổ bê tông + Khung nhà xưởng từ cột, dầm đều bằng kèo thép, vây xung quanh tường đều bằng tôn. Xung quanh nhà xưởng có tường bao quanh. + Nhà xưởng có diện tích khoảng 1692m² nằm trên khu đất rộng 10612m² - Hiện trạng: Nhà xưởng sử dụng lâu năm. Có ngoại quan cũ tường và kết cấu cột thép có dấu hiệu bong tróc nhưng các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện tại đang cho thuê.	2014	HT	1
9	Nhà xưởng cán thép	- Đặc điểm + Nhà xưởng cao khoảng 20m bao gồm nóc gió + Mái nhà xưởng : được sử dụng với tôn màu mạ kẽm, dán tấm cách nhiệt nhằm chống nóng và chống ồn. Sử dụng xà gỗ mạ kẽm. + Nền nhà đổ bê tông + Khung nhà xưởng từ cột, dầm đều bằng kèo thép kết hợp xây gạch. + Nhà xưởng có diện tích khoảng 8.873m² - Hiện trạng: Nhà xưởng sử dụng lâu năm. Có ngoại quan cũ tường và kết cấu cột thép có dấu hiệu bong tróc nhưng các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện tại đang tạm ngưng sử dụng	2010	HT	1
10	Văn phòng NMC	- Đặc điểm: + Khu nhà cao 4 tầng, kết cấu tường gạch chịu lực. + Tầng các tầng cao khoảng 4m + Móng đổ bê tông lót móng. + Nền nhà lát gạch Ceramic 40x40, tường trát vữa 2 mặt XM mác 75, quét vôi + Nhà vệ sinh lát gạch men chống trượt, dốc về lỗ thu nước, tường nhà vệ sinh ốp gạch men - Hiện trạng: Nhà đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan tương đối đẹp, các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2010	HT	1

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
11	Trạm biến áp 320KV	- Đặc điểm: + Máy biến áp 3 pha; + Công suất: 320KVA; + Công nghệ: Lõi tôn kép; + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Có ngoại quan tương đối mới, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2008	Trạm	1
12	Trạm điện hạ thế máy kép	- Đặc điểm: + Nhà mái bằng 1 tầng, kết cấu tường gạch chịu lực. + Tầng một cao khoảng 3m + Móng đổ bê tông lót móng. + Nền nhà láng xi măng chống trơn trượt - Hiện trạng: Nhà đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan tương đối đẹp, các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2008	Trạm	5
13	Nhà luyện thép	- Đặc điểm + Nhà xưởng cao khoảng 10m bao gồm nóc gió + Mái nhà xưởng : được sử dụng với tôn màu mạ kẽm, dán tấm cách nhiệt nhằm chống nóng và chống ồn. Sử dụng xà gồ mạ kẽm. + Nền nhà đổ bê tông + Khung nhà xưởng từ cột, dầm đều bằng kèo thép. + Nhà xưởng được chia làm 2 phần phần nhà xưởng cũ có diện tích khoảng 4296m2 và phần nhà xưởng mới được cải tạo năm 2012 có diện tích khoảng 5376m2 - Hiện trạng: Nhà xưởng sử dụng lâu năm. Có ngoại quan cũ tường và kết cấu cột thép có dấu hiệu bong tróc nhưng các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn đang được sử dụng	2010	HT	1
14	Trạm biến áp T3 công suất 10.500KVA	- Đặc điểm: + Trạm biến áp T3 công suất 10500 KVA - 22/0,95 KV. + Công nghệ: Lõi tôn kép; + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Có ngoại quan hơi cũ nhưng đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật..	2011	Trạm	1
15	Nhà văn phòng	- Đặc điểm: + Khu nhà cấp 4 một tầng, kết cấu tường gạch chịu lực. + Mái được lợp tôn lạnh chống ồn + Nền nhà được đầm chặt, Móng đổ bê tông lót móng . + Sàn nhà đổ bê tông . - Hiện trạng: Nhà đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan cũ, các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2008	HT	1
16	Tường rào quanh NM	- Đặc điểm: + Tường 110 xây gạch , trát vữa, sơn bả chạy dọc quanh nhà máy, chiều cao khoảng 3m5, đã từng được tu sửa nâng chiều cao, trên tường có gắn chông sắt. - Hiện trạng: Tường rào đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan cũ, nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn chắc chắn, vẫn đang được sử dụng bình thường.	2009	HT	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
17	Đường NB sân bãi	- Đặc điểm: + Nền đất được san phẳng đảm bảo, đổ bê tông mac 250# dày 20cm, đá dăm cấp phối 1x2 bề mặt; - Hiện trạng: Hệ thống sân, đường bê tông toàn nhà máy đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan bình thường. Hệ thống sân, đường bê tông toàn nhà máy vẫn đang sử dụng tốt, các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2010	HT	1
18	Trạm biến áp 110 KV	* Đặc điểm: - Hệ thống trạm biến áp lớn bao gồm: + Thiết bị vật tư 110kV, 22kV và thiết bị điều khiển bảo vệ + Thiết bị vật tư hệ thống viễn thông điều khiển bằng máy tính + Thiết bị vật tư hệ thống SCADA + Thiết bị vật tư của nhà điều khiển phân phối + Hệ thống phòng cháy chữa cháy + Máy cắt điện 110kv - Xuất xứ: Việt Nam. * Hiện trạng: Đã được sử dụng một thời gian dài, các thiết bị có ngoại quan khá mới chưa xuất hiện rỉ sét, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, cung cấp điện bình thường.	2011	Trạm	1
19	Trạm biến áp 4.000 KVA và 10.500 KVA (NMD)	- Đặc điểm: + 3 Máy biến áp 3 pha; + Công suất: 2 máy có công suất 4000 - 22/0,4kV KVA và 1 máy 10500 KVA - 22/0,95kV + Công nghệ: Lõi tôn kép; + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Có ngoại quan hơi cũ nhưng đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2011	Trạm	1
II Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn					
1	Khuôn gang đúc phôi	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Thiết bị đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan cũ, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	2726
2	Cân ô tô điện tử 100 tấn + màn hình	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Trung Quốc + Cầu cân ô tô điện tử 100 tấn kích thước 18m*3m. Cầu cân được sản xuất từ chất liệu thép thiết kế chìm - Hiện trạng: Đã đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan tương đối đẹp, các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2008	Cân	1
3	Máy phát điện EP-800EX	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Trung Quốc. + Công suất: 6.5-6.8kVA + Điện áp 220/240V, tần số 50Hz, tốc độ 3.000-3.600 vòng/ phút - Hiện trạng: Thiết bị đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan cũ, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	Cái	1
4	Máy phát điện 5.5KW	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Trung Quốc. + Công suất: 6.3-7.3kVA + Điện áp 230/400V, tần số 50Hz, tốc độ 3.000 vòng/ phút - Hiện trạng: Thiết bị đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan cũ, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	Cái	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
5	Máy phát điện	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, có ngoại quan bình thường, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	Cái	1
6	Máy photo Toshiba	- Đặc điểm: + Kích thước: 575 x 540 x 402 (mm). Trọng lượng: 27 kg. Tốc độ: 35 bản/phút. Khô giấy lớn nhất: A3 Khay giấy vào : 2 khay x 550 tờ Khay giấy tay : 100 tờ Sao chụp liên tục: 1- 999 bản + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	Cái	1
7	Máy tiện 1M36	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Liên Xô. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	Cái	1
8	Máy bào ngang thủy lực + ê tô	- Đặc điểm: + - Độ mở tối đa: 103 – 275mm. - Chiều rộng má kẹp: 106 – 205 mm. - Độ chính xác: ±0.02mm. - Công dụng của ê tô này: định vị và kẹp chặt phôi khi gia công. + Xuất xứ: - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	Cái	1
9	Máy khoan	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	Cái	1
10	Cân móc điện tử OCS 5 tấn	- Đặc điểm: + Max Tải 5000kg, Độ chia 1kg/2kg, Bộ hiển thị màn hình thị 6 số cao 40mm LED có độ phân giải cao, Vỏ cân kim loại , nhôm chống rỉ, Đơn vị cân Kg + Chức năng: Cân trọng lượng - Móc cân xoay 360 độ. + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	Cái	1
11	Cân móc điện tử OCS 5 tấn	- Đặc điểm: + Max Tải 5000kg, Độ chia 1kg/2kg, Bộ hiển thị màn hình thị 6 số cao 40mm LED có độ phân giải cao, Vỏ cân kim loại , nhôm chống rỉ, Đơn vị cân Kg + Chức năng: Cân trọng lượng - Móc cân xoay 360 độ. + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	Cái	1

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
12	Máy biến áp dầu 3 pha	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Trung Quốc. + Công suất: 2500kVA + Điện áp 22/0.4V, tần số 50Hz - Hiện trạng: Thiết bị đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan cũ, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2008	cái	10
13	Hệ thống làm mát nước	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Thiết bị đã sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đang sử dụng và hoạt động tốt, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2008	HT	1
14	Lò trung tần CJP7-800KW	- Đặc điểm: + Xuất xứ: + Công suất: 800kW, tần suất 1000 hz, điện áp 380V, - Hiện trạng: đã đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan cũ, phần chân đế bong tróc sơn, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2008	bộ	7
15	Lò trung tần CJP7-800KW	- Đặc điểm: + Xuất xứ: + Công suất: 800kW, tần suất 1000 hz, điện áp 380V, - Hiện trạng: đã đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan cũ, phần chân đế bong tróc sơn, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2008	bộ	3
16	Thùng nước thép + vật liệu chịu lửa	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	thùng	2
17	Máy ép phế	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2008	Cái	5
18	Quạt gió, tụ điện	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	1
19	Hệ thống lọc bụi	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	HT	1
20	Cầu trục 3T*16m	- Đặc điểm: + cầu trục có kết cấu 1 dầm, palang được treo dưới bản cánh của dầm chính, di chuyển nhờ động cơ 02 motor có công suất 0.75 KW gắn ở hai đầu dầm biên, S=3T*16m, H= 6m, L= 55m + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	3

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
21	Dưỡng đảm thùng nước thép 30 tấn	- Đặc điểm: + Thùng có dạng hình trụ đứng cao khoảng 2m + Thùng được cấu tạo bởi 1 lớp thép dày khoảng 1cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Thùng đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	2012	cái	2
22	Máy bơm phế liệu	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Đức + Máy có cấu tạo gồm phần máy bên trên và phần chân di chuyển bên dưới (được làm bằng theo thiết kế sử dụng bánh xích di chuyển) + Hoạt động bằng dầu diezen - Hiện trạng: Máy bơm phế liệu đã được sử dụng thời gian dài; xung quanh máy xuất hiện nhiều rỉ sét; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật nên có thể sử dụng được.	2012	cái	1
23	Máy làm đá công nghiệp	- Đặc điểm: + Vỏ máy được làm bằng inox; cao khoảng 1,5m; bên trên là bộ phận làm đá; bên dưới là nơi chứa đá; có nắp mở để dễ dàng lấy đá, tiện cho quá trình sử dụng. - Hiện trạng: Máy làm đá công nghiệp đã được sử dụng lâu năm; máy đã hỏng, động cơ bên trong đã được tháo bỏ hoàn toàn, chỉ còn lại lớp vỏ máy làm bằng inox bên ngoài, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, không thể sử dụng được	2012	cái	1
24	Búa phá đá bê tông	- Đặc điểm: + Cấu tạo: mình búa; bu lông, xi lanh, pít tông, van điều khiển, đỉnh búa - Hiện trạng: Búa phá đá bê tông đã được sử dụng trong thời gian dài, xuất hiện nhiều rỉ sét; vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể tiếp tục sử dụng được.	2012	cái	1
25	Máy xúc lật	- Đặc điểm: + Cấu tạo: gồm gầu máy xúc; động cơ quạt trực tiếp có vai trò làm mát động cơ; hệ thống truyền động (gồm tua bin, hộp số, cần số); hệ thống thủy lực; hệ thống phanh; hệ thống lái; cabin.	2012	cái	1
26	Xe nâng hàng	- Đặc điểm: + Cấu tạo gồm: hai tấm thép uốn hình chữ nhật dày 5mm trượt theo ranh của thanh đỡ giá nâng; xi lanh; càng nâng để đặt hàng hóa vào được làm bằng thép, có kết cấu hình chữ U; đối trọng.	2012	cái	1
27	Container 20 feet	- Đặc điểm: + Container rộng 20DC, quy cách C 2.5m x D 6m x R 2.5m + Vỏ làm bằng thép nguyên thủy chịu lực tốt, kín nước không thủng, sàn cont làm bằng gỗ + Vách được nẹp cố định; nóc được làm bằng thép - Hiện trạng: Container được sử dụng lâu năm, được bảo dưỡng tốt nên vẫn có thể tiếp tục sử dụng	2012	cái	20
28	Container 40 feet	- Đặc điểm: + Vỏ container làm bằng thép nguyên thủy chịu lực tốt, kín nước không thủng, sàn cont làm bằng gỗ + Vách được nẹp cố định; nóc được làm bằng thép - Hiện trạng: Container được sử dụng lâu năm, được bảo dưỡng tốt nên vẫn có thể tiếp tục sử dụng	2012	cái	2

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
29	Container 20 feet	- Đặc điểm: + Vỏ container làm bằng thép nguyên thủy chịu lực tốt, kín nước không thủng, sàn cont làm bằng gỗ + Vách được nẹp cố định; nóc được làm bằng thép - Hiện trạng: Container được sử dụng lâu năm, được bảo dưỡng tốt nên vẫn có thể tiếp tục sử dụng	2012	cái	2
30	Container 20 feet	- Đặc điểm: + Vỏ container làm bằng thép nguyên thủy chịu lực tốt, kín nước không thủng, sàn cont làm bằng gỗ + Vách được nẹp cố định; nóc được làm bằng thép - Hiện trạng: Container được sử dụng lâu năm, được bảo dưỡng tốt nên vẫn có thể tiếp tục sử dụng	2012	cái	18
31	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 10 tấn	- Đặc điểm: + Cầu trục dầm đôi được tổ hợp từ thép chuyên dụng với mặt cắt dạng hộp. + Kết cấu: thép dầm chính, xe ray con, sàn thao tác, dầm đầu, xe con nâng hạ và động cơ di chuyển, tủ điện điều khiển, ray di chuyển cho cầu trục dầm đôi - Hiện trạng: Cầu trục dầm đôi và sàn thao tác được sử dụng lâu năm; do được bảo dưỡng thường tốt nên vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn có thể tiếp tục sử dụng được.	2010	cái	1
32	Móc cầu trục 50 tấn	- Đặc điểm: + Bộ móc của Cầu trục dùng trong nhà máy luyện thép model: YZ-A8, loại sức móc nâng 50 tấn, bằng thép, 1 bộ gồm : thân móc, xà và lấy khóa, đồng bộ - Hiện trạng: Móc đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn được sử dụng.	2011	bộ	1
33	Đường ray xe gòng chở liệu	- Đặc điểm: + Đường ray xe gòng chở liệu gồm 2 thanh ray đặt sát hệ thống lò kéo dài chạy suốt nhà máy luyện thép - Hiện trạng: Đường ray đã được sử dụng trong một thời gian dài nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, vẫn đang được sử dụng.	2012	m	60
34	Giò Liệu	- Đặc điểm: +Giò Liệu làm bằng thép - Hiện trạng:Giò Liệu đã được sử dụng trong một thời gian dài nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, vẫn đang được sử dụng	2012	Kg	35.850
35	Cầu trục 3T*8m	- Đặc điểm: + Tải trọng tối đa: 3 tấn + Khẩu độ của cầu trục: 8m + Được tổ hợp từ thép chuyên dụng với mặt cắt dạng hộp. + Kết cấu: thép dầm chính, dầm đầu - chân chạy, bánh xe di chuyển cầu trục được tổ hợp với dầm đầu cầu trục, tời nâng hạ và động cơ di chuyển cầu trục, tủ điện điều khiển, ray di chuyển - Hiện trạng: Cầu trục được sử dụng một thời gian dài, bám bụi, han gỉ, ngoại quan cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể tiếp tục sử dụng.	2012	cái	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
36	Máy trộn bê tông	- Đặc điểm: + Cấu tạo: thùng trộn, cánh trộn, động cơ quay thùng và quay cánh trộn, động cơ cấp vật liệu vào thùng, động cơ dỡ vật liệu khỏi thùng và thùng đong nước - Hiện trạng: Máy trộn bê tông đã được sử dụng nhiều năm; có dấu hiện móp méo 1 phần bên ngoài nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật, vẫn có thể tiếp tục sử dụng	2012	cái	3
37	Máy hàn điện KVA	- Đặc điểm: + Cấu tạo: mô hàn và kẹp mass, bộ biến dòng inverter, bình khí và van điều áp, bộ phận làm mát, hệ thống các nút điều khiển, dây dẫn. + Máy hàn điện được thiết kế gồm 2 bánh xe, thuận tiện cho quá trình di chuyển - Hiện trạng: Máy hàn điện đã được sử dụng lâu năm; bị móp méo biến dạng, ngoại quan xấu, han gỉ nhiều, kết cấu không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	2012	cái	28
38	Cân điện tử 30 tấn	- Đặc điểm: + Cân điện tử 30T được đi ngầm dưới đất, kết hợp cùng với nhà điều hành - Hiện trạng: Cân đã được sử dụng trong một thời gian dài, ngoại quan cũ hiện tại đang ngừng sử dụng.	2012	cái	2
39	Máy xúc lật carlipher 262 C	- Đặc điểm: + Máy xúc lật carlipher 262C có lắp đầu kẹp phế Năm: 2010, Số sê-ri: CAT0262CLMST03141 . với động cơ DIT DIESEL CATERPILLAR 3044C, 4 CYLINDERS 85 HP. Công suất 2.700 LBS. 12-16,5 lớp NHS, Trọng lượng 7.968 LBS + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Tháp đã được sử dụng trong thời gian dài, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện tại đang tạm dừng sử dụng.	2012	cái	1
40	Cân móc điện tử OCS 5 tấn	- Đặc điểm: + Max Tải 5000kg, Độ chia 1kg/2kg, Bộ hiển thị màn hình thị 6 số cao 40mm LED có độ phân giải cao, Vỏ cân kim loại , nhôm chống rỉ, Đơn vị cân Kg + Chức năng: Cân trọng lượng - Móc cân xoay 360 độ. + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	1
41	Cảm biến đo trọng lượng Nosell -30T	- Đặc điểm: + Cảm biến trọng lượng đã được tháo ra + Chức năng: Cân trọng lượng + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
42	Máy nhóp phế D320	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Đức + Hoạt động bằng dầu diezen + Cấu tạo gồm bộ kẹp gấp phế, cần trục và khoang điều khiển + Được chế tạo chủ yếu bằng sắt, thép - Hiện trạng: Máy nhóp phế liệu được sử dụng lâu năm, các bộ phận trên máy nhóp có dấu hiệu han gỉ, xuất hiện nhiều rỉ sét, máy đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật nên có thể tiếp tục sử dụng	2011	cái	1
43	Máy nhóp phế D350 (Máy kẹp vật liệu dờ)	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Đức + Hoạt động bằng dầu diezen; nhãn hiệu: Fuchs MHL 350D; máy tự hành + Cấu tạo gồm bộ kẹp gấp phế, cần trục và khoang điều khiển + Được chế tạo chủ yếu bằng sắt, thép - Hiện trạng: Máy nhóp phế liệu được sử dụng lâu năm, các bộ phận trên máy nhóp có dấu hiệu han gỉ, xuất hiện nhiều rỉ sét, máy đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật nên có thể tiếp tục sử dụng	2011	cái	1
44	Máy phân tích Quang phổ	- Đặc điểm: + Thu thập kết quả nhanh hơn nhờ tốc độ thu thập dữ liệu 250 điểm mỗi giây với bước sóng 150.000nm/phút + Cho các phép đo thể tích nhỏ với chùm tia đồng nhất có chiều rộng dưới 1,5 mm + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Tháp đã được sử dụng trong thời gian dài, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện tại đang tạm dừng sử dụng.	2011	cái	1
45	Giếng khoan	- Đặc điểm: + Gồm hệ thống máy bơm nước, hệ thống lọc nước, bể chứa nước + Bể chứa nước được xây đổ bê tông kiên cố + Hệ thống lọc nước gồm 3 tháp lọc nước, chiều cao khoảng 2m, đường kính mỗi tháp khoảng 45cm. - Hiện trạng: Giếng khoan đã sử dụng lâu năm; xung quanh miệng giếng, bể nước có rêu mốc, bùn đất; máy bơm và hệ thống lọc dính nhiều bùn đất, có han gỉ nhưng vẫn đang được sử dụng; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2011	cái	1
46	Tháp làm lạnh	- Đặc điểm: + Tháp làm lạnh kí hiệu SHL-68 gồm 2 thân tháp làm lạnh, 2 tủ điều khiển điện, 2 bơm nước 80-100A, 2 bộ khử nước bản dùng để làm lạnh nước cho lò trung tần nấu thép. Công suất làm lạnh 130m3/h + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Tháp đã được sử dụng trong thời gian dài, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện tại đang tạm dừng sử dụng.	2009	cái	1
47	Động cơ điện (Dùng cho máy đúc)	- Đặc điểm: + Động cơ điện (Dùng cho máy đúc) - Hiện trạng: Động cơ điện đã được sử dụng trong thời gian dài, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện tại đang tạm dừng sử dụng.	2012	cái	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
48	Máy photo Toshiba E 45	- Đặc điểm: + Cấu tạo gồm khung máy (làm bằng hợp kim nhôm và nhựa); trống máy (gồm lõi trống làm từ nhôm và mặt trống); mực máy; cụm sấy; lô ép - Hiện trạng: Máy photo Toshiba được sử dụng nhiều năm, tuy nhiên được bảo dưỡng tốt nên máy vẫn đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật, có thể tiếp tục sử dụng.	2012	cái	1
49	Máy bơm nước HD HL 290-6- 7.5 kw	- Đặc điểm: + Máy bơm nước model: HL 290 -6 Lưu lượng Q= 240- 320 m3/h cột áp H= 7 -5 m - Hiện trạng: Tháp đã được sử dụng trong thời gian dài, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ ,không còn được sử dụng.	2008	cái	1
50	Ôtô camry 2,4	- Đặc điểm: + Ô tô con Camry dung tích 2,4 biển số đăng ký 30K-7108 màu đen, sản xuất năm 2008, đăng ký lần đầu năm 2008 - Hiện trạng: Xe oto đã được sử dụng trong thời gian dài, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ ,vẫn đang được sử dụng bình thường.	2008	cái	1
51	Hệ thống dẫn điện cầu trục nhà luyện cao	- Đặc điểm: + Hệ thống dẫn điện cầu trục dài hơn 400m - Hiện trạng: Hệ thống dẫn điện đã được sử dụng trong một thời gian dài, hiện tại đang tạm dừng sử dụng.	2012	HT	1
52	Xây dựng đường cáp ngầm 7.2 KV	- Đặc điểm: Xây dựng đường cáp ngầm 7,2KV gồm: + Đường cáp điện 3fa x 800A kiểu giá sứ, thanh dẫn điện bằng thép góc dài 228m + 5 Bộ lấy điện bàn là gang cho cầu trục 20-50 Tấn + 10 Bộ lấy điện bàn là gang cho cầu trục <20T + 800 quả sứ cách điện + 1600 Bulong chữ U + 1600 Zoăng cao su cách điện tạm tính - Hiện trạng :Xây dựng đường cáp ngầm đã được sử dụng một thời gian, hiện đang được tạm dừng sử dụng.	2012	HT	1
53	Cầu trục 3T*16m	- Đặc điểm: + cầu trục có kết cấu 1 dầm, palang được treo dưới bản cánh của dầm chính, di chuyển nhờ động cơ 02 motor có công suất 0.75 KW gắn ở hai đầu dầm biên, S=3Tx16m, H= 6m, L= 55m + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	1
54	Lò 5 tấn	- Đặc điểm: + bộ lò luyện thép trung tần 5T đồng bộ, vỏ bằng thép, - Hiện trạng: Lò đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn được sử dụng.	2012	Cái	2

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
55	Xe goong	- Đặc điểm: + Cấu tạo gồm khung xe, trục chuyển động, bánh xe, móc kéo, dây cáp + Xe goong được đặt trên hệ thống đường ray xe goong. + Xe gồm nhiều bánh xe nhỏ, di chuyển trên hệ thống đường ray xe goong gồm 2 thanh ray được bố trí song song dọc theo đường di chuyển của xe. + Xe goong di chuyển bằng hệ thống tời cáp đơn giản + Khung xe goong được làm bằng thép chịu lực, có độ bền cao. - Hiện trạng: Xe goong đã được sử dụng lâu năm; có ngoại quan cũ; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	1
56	Máy nén khí (KaiSeng)	- Đặc điểm: + Máy nén khí bao gồm ống giải nhiệt, van hút, nắp xy lanh, nòng xy lanh, Trục khuỷu, bạc piston + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2011	Cái	2
57	Càng gấp phôi thép 8 tấn (Minh Huy)	- Đặc điểm: + Càng gấp phôi thép tải trọng nâng 8 tấn, hệ số vượt tải 1,25%, tự trọng 1400kg $\pm$ 5%. Khoảng cách giữa 2 mỏ kẹp 2000mm. Độ mở tối đa của mỏ kẹp gấp được 4 cây phôi thép có kích thước 200x200x6000mm - Hiện trạng: Càng gấp đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn được sử dụng.	2011	Cái	1
58	Quạt gió Y4-73, đ/c 380v, 30kw (INM luyện thép)	- Đặc điểm: + Cấu tạo gồm cánh quạt, vỏ, cửa hút gió, cửa điều chỉnh và bộ phận truyền động + Bánh công tác được làm bằng thép hợp kim chất lượng cao, lưỡi cắt là loại cánh quạt + Cửa hút gió được lắp đặt ở một bên của cửa hút gió + Tay cầm cửa điều chỉnh nằm ở phía bên phải từ hướng cửa vào + Trục chính của bộ phận truyền động được làm bằng thép chất lượng cao và sử dụng ổ lăn - Hiện trạng: Quạt gió đã được sử dụng nhiều năm, bị han gỉ, xuất hiện nhiều rỉ sét, ngoại quan cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể tiếp tục sử dụng.	2012	cái	1
59	Đồng hồ đo nhiệt độ nước thép	- Đặc điểm: + Được làm bằng hợp kim nhôm + Có màn hình hiển thị LED giúp dễ dàng kiểm tra nhiệt độ nước thép - Hiện trạng: Đồng hồ đo nhiệt độ nước thép đã được sử dụng nhiều năm, bong tróc sơn và xước màn hình hiển thị LED, vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể tiếp tục sử dụng.	2012	cái	4
60	Máy khoan KEN	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	1

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
61	Mẫu làm khuôn bằng đồng 150 x12 x 812	- Đặc điểm: + Mẫu làm khuôn đúc bằng đồng dùng để đúc phôi thép + Quy cách: 150mm x 12mm x 812mm + Xuất xứ: Trung Quốc - Hiện trạng :Khuôn đúc bằng đồng đã được sử dụng một thời gian, ngoại quan cũ, dính nhiều dầu mỡ, bụi xung quanh, hiện đang được tạm dừng sử dụng.	2012	Chiếc	6
62	Mẫu làm khuôn bằng đồng 200 x17 x 812	- Đặc điểm: + Mẫu làm khuôn đúc bằng đồng dùng để đúc phôi thép + Quy cách: 200mm x 17mm x 812mm + Xuất xứ: Trung Quốc - Hiện trạng :Khuôn đúc bằng đồng đã được sử dụng một thời gian, ngoại quan cũ, dính nhiều dầu mỡ, bụi xung quanh, hiện đang được tạm dừng sử dụng.	2012	Chiếc	6
63	Mẫu làm khuôn bằng đồng 165 x 225 x15 x 812	- Đặc điểm: + Mẫu làm khuôn đúc bằng đồng dùng để đúc phôi thép + Quy cách: 165mm x 225mm x 15mm x 812mm + Xuất xứ: Trung Quốc - Hiện trạng :Khuôn đúc bằng đồng đã được sử dụng một thời gian, ngoại quan cũ, dính nhiều dầu mỡ, bụi xung quanh, hiện đang được tạm dừng sử dụng.	2012	Chiếc	2
64	Hộp khuôn đúc kim loại : 165 x 225 x 812	- Đặc điểm: + Hộp khuôn đúc kim loại (hộp kết tinh) bằng thép dùng để đúc phôi thép + Quy cách: 165mm x 225mm x 812mm + Xuất xứ: Trung Quốc - Hiện trạng: Hộp khuôn đúc đã được sử dụng một thời gian, ngoại quan cũ, dính nhiều dầu mỡ, bụi xung quanh, hiện đang được tạm dừng sử dụng.	2012	Chiếc	2
65	Đầu dẫn phôi thép đã định hình của máy đúc phôi	- Đặc điểm: + Đầu dẫn phôi bằng thép của máy đúc phôi thép, đã định hình để đúc phôi thép + Quy cách: 165mm x 225mm + Xuất xứ: Trung Quốc - Hiện trạng: Đầu dẫn phôi đã được sử dụng một thời gian, ngoại quan cũ, dính nhiều dầu mỡ, bụi xung quanh, hiện đang được tạm dừng sử dụng.	2012	Chiếc	2
66	Máy đào bánh xích Mitsubishi	- Đặc điểm: + Máy đào bánh xích Mitsubishi Model MM55SR-2; số khung E1G02051; Số máy: 11302F8 - Hiện trạng: Móc đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ, hiện đang không sử dụng.	2012	Cái	1
67	Bộ thân lò điện và nắp lò tinh luyện	- Đặc điểm: + Bộ thân lò điện và nắp lò tinh luyện - Hiện trạng: Bộ thân lò điện và nắp lò tinh luyện đã được sử dụng từ lâu, ngoại quan cũ, xuất hiện nhiều rỉ sét nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể sử dụng được.	2011	bộ	1

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
68	Dưỡng đảm thùng nước thép 30 tấn	- Đặc điểm: + Thùng có dạng hình trụ đứng cao khoảng 2m + Thùng được cấu tạo bởi 1 lớp thép dày khoảng 1cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Thùng đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	2012	cái	2
69	Dưỡng đảm thùng nước thép trung gian	- Đặc điểm: + Thùng có dạng hình trụ đứng cao khoảng 2m + Thùng được cấu tạo bởi 1 lớp thép dày khoảng 1cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Thùng đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	2012	cái	2
70	Dưỡng đảm lò trung tần 5 tấn	- Đặc điểm: + Thùng có dạng hình trụ đứng cao khoảng 2m + Thùng được cấu tạo bởi 1 lớp thép dày khoảng 1cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Thùng đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	2012	cái	2
71	Đường ray xe gòng thùng nước thép	- Đặc điểm: + Đường ray xe gòng chở liệu gồm 2 thanh ray được bố trí xung quanh nhà máy, thuận tiện cho việc di chuyển các thùng nước thép - Hiện trạng: Đường ray đã được sử dụng trong một thời gian dài nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, vẫn đang được sử dụng.	2012	m	115
72	Hệ thống dầm ray Nhà luyện	- Đặc điểm: + Bao gồm con lăn, đường ray và hệ thống động cơ truyền động, hệ thống đường ray dưới lòng đất kéo dài từ nhà máy đúc qua nhà máy cán. - Hiện trạng: Hệ thống rầm ray đã được sử dụng từ lâu, hệ thống thiết bị bám nhiều bụi, han gỉ, ngoại quan cũ nhưng do được bảo dưỡng thường xuyên nên vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Hiện tại không dùng nhưng vẫn còn sử dụng được.	2012	HT	1
73	Hệ thống cổng trục hai dầm 35 tấn	- Đặc điểm: + Cổng trục 2 dầm, tải trọng nâng 35T, chiều cao 26m + Tốc độ nâng hạ 12m/phút, Tốc độ di chuyển tời 8~32m/phút, Tốc độ di chuyển cổng trục 8~ 32m/ phút - Hiện trạng: Cổng trục đã được sử dụng từ lâu, ngoại quan cũ, nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn đang được sử dụng	2012	bộ	1
74	Sàn thao tác lò khí than nhà luyện	- Đặc điểm: + Sàn thao tác lò khí than được làm bằng thép; cao 3m so với mặt đất, có cầu thang đi lên, có lan can cao 1,5m bao xung quanh. - Hiện trạng: sàn thao tác lò khí than đã được sử dụng từ lâu, ngoại quan cũ, xuất hiện nhiều rỉ sét nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể sử dụng được.	2012	cái	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
75	Thiết bị vá lò ly tâm lò HQ	- Đặc điểm: + Thiết bị vá lò ly tâm lò HQ. - Hiện trạng: Thiết bị vá lò ly tâm lò HQ đã được sử dụng từ lâu, ngoại quan cũ, xuất hiện nhiều rỉ sét nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không còn được sử dụng.	2012	bộ	1
76	Thiết bị phun than vào lò HQ	- Đặc điểm: + Thiết bị phun than vào lò HQ. - Hiện trạng: Thiết bị phun than vào lò HQ đã được sử dụng từ lâu, ngoại quan cũ, xuất hiện nhiều rỉ sét nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đang tạm dừng sử dụng.	2012	bộ	1
77	Thiết bị sấy thùng trung gian kiểu nằm 2 bộ	- Đặc điểm: + Thiết bị sấy thùng trung gian kiểu nằm 2 bộ - Hiện trạng: Thiết bị sấy thùng trung gian kiểu nằm 2 bộ đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và đang được sử dụng.	2012	bộ	6
78	Xe con tải trọng 5 tấn chiều cao 10.5 m	- Đặc điểm: + Xe con tải trọng 5 tấn chiều cao 10.5 m - Hiện trạng: Xe con tải trọng 5 tấn chiều cao 10.5 m đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện đang tạm dừng sử dụng	2011	cái	2
79	Xe gòng xử lý thùng nước thép	- Đặc điểm: + Cấu tạo gồm khung xe, trục chuyển động, bánh xe, móc kéo, dây cáp + Xe goong được đặt trên hệ thống đường ray xe goong. + Xe gồm nhiều bánh xe nhỏ, di chuyển trên hệ thống đường ray xe goong gồm 2 thanh ray được bố trí song song dọc theo đường di chuyển của xe. + Xe goong di chuyển bằng hệ thống tời cáp đơn giản + Khung xe goong được làm bằng thép chịu lực, có độ bền cao. - Hiện trạng: Xe goong đã được sử dụng lâu năm; có ngoại quan cũ; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	bộ	1
80	Quả ném liệu NLT	- Đặc điểm: + Quả nén hình lập phương bằng thép đặc, kích thước cạnh khoảng 1m, phía trên có dây xích thuận tiện cho cầu trục di chuyển. - Hiện trạng: Quả nén đã sử dụng được một thời gian, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn đang được sử dụng.	2012	quả	1
81	Thùng đựng xỉ	- Đặc điểm: + Thùng có dạng nón ngược, trọng lượng khoảng 7 tấn + Thùng được cấu tạo bởi lớp tường xây bằng vật liệu chịu lửa và 1 lớp thép dày 0,5cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Thùng đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	thùng	4

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
82	Thùng cấp cứu nước thép sự cố	- Đặc điểm: + Thùng có dạng hình trụ đứng cao khoảng 2m, trọng lượng khoảng 7 tấn + Thùng được cấu tạo bởi lớp tường xây bằng vật liệu chịu lửa và 1 lớp thép dày 0,5cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Thùng đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	3
83	Càng gấp phôi thép	- Đặc điểm: + Càng gấp phôi thép tải trọng nâng 8 tấn, hệ số vượt tải 1,25%, tự trọng 1400kg +5%. Khoảng cách giữa 2 mỏ kẹp 2000mm. Độ mở tối đa của mỏ kẹp gấp được 4 cây phôi thép có kích thước 200x200x6000mm - Hiện trạng: Càng gấp đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn được sử dụng.	2011	cái	1
84	Bình khí 3000 Lít (3 m3)	- Đặc điểm: + Bình khí nén 3000L + Dung tích: 3m3, áp lực làm việc: 6~10kg/cm2, độ dày của bình 8 mm vật liệu thép được chế tạo là CT3, được sơn 4 lớp: 2 lớp sơn chống gỉ và 2 lớp sơn bóng bên ngoài là màu ghi + Các phụ kiện đi kèm bao gồm: van an toàn, đồng hồ áp lực, van xả đáy, mặt bích + Xuất xứ: Đài Loan - Hiện trạng: Thùng nước thép đã sử dụng được một thời gian, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn được sử dụng.	2011	cái	1
85	Bình khí 4000 Lít (3 m3)	- Đặc điểm: + Bình khí nén 4000L + Dung tích: 4m3, áp lực làm việc: 6~10kg/cm2, độ dày của bình 8,5 mm vật liệu thép được chế tạo là CT3, được sơn 4 lớp: 2 lớp sơn chống gỉ và 2 lớp sơn bóng bên ngoài là màu ghi + Các phụ kiện đi kèm bao gồm: van an toàn, đồng hồ áp lực, van xả đáy, mặt bích + Xuất xứ: Đài Loan - Hiện trạng: Thùng nước thép đã sử dụng được một thời gian, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn được sử dụng.	2011	cái	1
86	Quạt sấy thùng thép 7.5 kw-2900 vp	- Đặc điểm: + Hệ thống quạt sấy thùng thép 7.5 kw - 2900v/p kết hợp với nắp thùng nước thép. + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Có ngoại quan hơi cũ, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, nhưng hiện giờ đang tạm dừng không được sử dụng.	2012	cái	1
87	Hệ Thống ống khối	- Đặc điểm: + Hệ thống ống khối bao gồm 2 tháp ống khối cao khoảng 20m 2 đầu nhà xưởng công nhân số 1, kết hợp cùng hệ thống quạt + Xuất xứ: Việt Nam. - Hiện trạng: Có ngoại quan hơi cũ, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, nhưng hiện giờ đang tạm dừng không được sử dụng.	2012	HT	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
88	Cân liên động hầm dẫn phôi 5 tấn	- Đặc điểm: + Cân kết hợp đường băng tải con lăn, đường ray và hệ thống động cơ truyền động, hệ thống đường ray dưới lòng đất kéo dài từ nhà máy đúc qua nhà máy cán. - Hiện trạng: Hệ thống rầm ray đã được sử dụng từ lâu, hệ thống thiết bị bám nhiều bụi, han gỉ, ngoại quan cũ nhưng do được bảo dưỡng thường xuyên nên vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Hiện tại không dùng nhưng vẫn còn sử dụng được.	2012	cái	2
89	Máy trộn bê tông 250	- Đặc điểm: + Cấu tạo: thùng trộn, cánh trộn, động cơ quay thùng và quay cánh trộn, động cơ cấp vật liệu vào thùng, động cơ dỡ vật liệu khỏi thùng và thùng đong nước - Hiện trạng: Máy trộn bê tông đã được sử dụng nhiều năm; có dấu hiệu móp méo 1 phần bên ngoài nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật, vẫn có thể tiếp tục sử dụng	2011	cái	1
90	Thùng đựng nước thép 30 tấn	- Đặc điểm: + Thùng có dạng hình trụ đứng cao khoảng 2m, trọng lượng khoảng 7 tấn + Thùng được cấu tạo bởi lớp tường xây bằng vật liệu chịu lửa và 1 lớp thép dày 0,5cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Thùng đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	Thùng	4
91	Máy tiện 165	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Liên Xô. - Hiện trạng: Đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bình thường, đã xuất hiện han gỉ, lớp sơn vài chỗ đã bong tróc, đang sử dụng bình thường, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.	2010	Cái	1
92	Hộp giảm tốc	- Đặc điểm: + Bộ hộp giảm tốc cấu tạo gồm: vỏ hộp số, vòng bi trục vào, vòng bi trục ra, bánh răng, nhông - Hiện trạng: Hộp giảm tốc đã cũ, bám nhiều bụi bẩn, không còn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, không còn được sử dụng.	2011	Cái	1
93	Lò trung tần 25T	- Đặc điểm: + bộ lò luyện thép trung tần 25T đồng bộ, vỏ bằng thép, kiểu JP7-15000KVA, 950V nhãn hiệu S-more - Hiện trạng: Lò đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn được sử dụng.	2012	Cái	1
94	Xe ô tô Kia moning	- Đặc điểm: + Ô tô con Kia morning dung tích 1,2 màu ghi xám, sản xuất năm 2009, đăng ký lần đầu năm 2011 - Hiện trạng: Xe oto đã được sử dụng trong thời gian dài, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ ,vẫn đang được sử dụng bình thường.	2012	Cái	2

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
95	Xe gòng chở than	- Đặc điểm: + Cấu tạo gồm khung xe, trục chuyển động, bánh xe, móc kéo, dây cáp + Xe gòng chở than được đặt trên hệ thống đường ray xe gòng. + Xe gồm nhiều bánh xe nhỏ, di chuyển trên hệ thống đường ray xe gòng gồm 2 thanh ray được bố trí song song dọc theo đường di chuyển của xe. + Xe gòng di chuyển bằng hệ thống tời cáp đơn giản + Khung xe gòng được làm bằng thép chịu lực, có độ bền cao. - Hiện trạng: Xe gòng đã được sử dụng lâu năm; có ngoại quan cũ; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	1
96	Xe gòng chở xỉ than	- Đặc điểm: + Cấu tạo gồm khung xe, trục chuyển động, bánh xe, móc kéo + Xe gòng chở xỉ than được đặt trên hệ thống đường ray xe gòng. + Xe gồm 4 bánh, di chuyển trên hệ thống đường ray xe gòng gồm 2 thanh ray được bố trí song song dọc theo đường di chuyển của xe. + Xe gòng di chuyển bằng hệ thống tời xích + Khung xe gòng được làm bằng thép chịu lực, có độ bền cao. - Hiện trạng: Xe gòng đã được sử dụng lâu năm; có ngoại quan cũ; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	1
97	Xe gòng thùng đầu mẩu sản phẩm	- Đặc điểm: + Cấu tạo gồm khung xe, trục chuyển động, bánh xe, móc kéo, dây cáp + Xe gòng chở đầu mẩu sản phẩm được đặt trên hệ thống đường ray xe gòng. + Xe gồm nhiều bánh xe nhỏ, di chuyển trên hệ thống đường ray xe gòng gồm 2 thanh ray được bố trí song song dọc theo đường di chuyển của xe. + Xe gòng di chuyển bằng hệ thống tời cáp đơn giản + Khung xe gòng được làm bằng thép chịu lực, có độ bền cao. - Hiện trạng: Xe gòng đã được sử dụng lâu năm; có ngoại quan cũ; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	1
98	Hệ thống silo cung cấp than 200 T	- Đặc điểm: + Sức chứa: 200 tấn + Xilo cung cấp than hình chữ nhật, kích thước khoảng 5m x 2m x 4m + Cấu tạo: bằng thép dày + Bên trong silo được tích hợp hệ thống bảo quản (hệ thống quạt và kiểm soát nhiệt độ) - Hiện trạng: Hệ thống silo đã được sử dụng từ lâu, ngoại quan cũ, xuất hiện nhiều rỉ sét nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể sử dụng được.	2012	cái	1
99	Hệ thống sàn lật SP tự động	- Đặc điểm: + Hệ thống sàn lật SP tự động bao gồm hệ thống sàn, con lăn, hệ thống lật tự động - Hiện trạng: Hệ thống sàn lật SP đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện đang tạm dừng sử dụng	2012	HT	1

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
100	Hệ thống dẫn điện cầu trục NMC	- Đặc điểm: + Cấu tạo: được tạo thành bởi hệ điện dọc cầu trục (có căng kéo ray nằm ở hai đầu để căng ray điện, kết hợp cùng kẹp ray và thanh đỡ), hệ điện ngang cầu trục (bao gồm dây động lực, cáp dẹt, máng C, dây điều khiển, nối máng, con lăn treo cáp, con lăn dẫn hướng) và tủ điều khiển (bao gồm biến tần, aptomat, contactor, bảo vệ mất phan điện trở xả,...) - Hiện trạng: Hệ thống dẫn được sử dụng lâu ngày, vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn còn sử dụng được.	2012	HT	1
101	Giá đóng bó Sản phẩm tự động và cân 15 tấn	- Đặc điểm: + Bao gồm con lăn băng tải vận chuyển phôi thép và hệ thống 4 máy đóng bó sản phẩm (mỗi máy đã bao gồm động cơ). - Hiện trạng: Đã được sử dụng một thời gian dài, ngoại quan cũ, đã xuất hiện nhiều rỉ sét, nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn có thể sử dụng được.	2012	cái	1
102	Cầu trục gạt phôi 3 T*5 m	- Đặc điểm: + Trọng tải nâng: 3 tấn. + Khẩu độ: 5 m + Chiều cao nâng: 12m + Điều khiển cầu trục tại cabin + Cấp điện xe con: Cấp cao su theo kiểu sâu đo - Hiện trạng: Cầu trục gạt phôi đã được sử dụng lâu ngày; ngoại quan cũ, xuất hiện nhiều rỉ sét; vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; có thể tiếp tục sử dụng.	2012	cái	2
103	Cầu trục gạt phôi 3 T*16 m	- Đặc điểm: + Trọng tải nâng: 3 tấn. + Khẩu độ: 16 m + Chiều cao nâng: 12m + Điều khiển cầu trục tại cabin + Cấp điện xe con: Cấp cao su theo kiểu sâu đo - Hiện trạng: Cầu trục gạt phôi đã được sử dụng lâu ngày; ngoại quan cũ, xuất hiện nhiều rỉ sét; vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; có thể tiếp tục sử dụng.	2012	cái	3
104	Cầu cân phôi tự hành	- Đặc điểm: + Kết cấu gồm 2 phần chính: cần cầu hình tháp bao gồm đối trọng phía sau và phần thân cầu gắn liền với xe 4 bánh, di chuyển và cầu bằng điều khiển. - Hiện trạng: Đã được sử dụng từ lâu, có ngoại quan cũ, hỏng hóc nhiều, han gỉ, không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật nên không còn được sử dụng.	2012	cái	1
105	Máy đẩy phôi nguồn vào sản con lăn	- Đặc điểm: + Bao gồm 2 cần đẩy phôi; 1 dầm điều khiển máy đẩy phôi; động cơ máy; hệ thống sàn đỡ phôi và hệ thống liên kết máy đẩy phôi - Hiện trạng: Máy đã được sử dụng qua 1 thời gian; hệ thống dầm điều khiển và trục đẩy phôi do được bảo dưỡng tốt nên vẫn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật; sàn đỡ và động cơ bám bụi nhiều do lâu ngày không sử dụng nên ngoại quan cũ. Máy vẫn sử dụng được.	2012	cái	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
106	Máy đẩy phôi và hệ thống xích kéo leo dốc	- Đặc điểm: + Bao gồm 4 lần xích leo dốc liên kết với bánh răng, trục khuỷu, sàn thao tác được điều khiển bằng động cơ điện. - Hiện trạng: Hệ thống đã được sử dụng một thời gian dài; 2 lần mất xích, trục khuỷu bị gãy 1 phần, không còn liên kết với bánh răng và xích; hệ thống không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật; không còn sử dụng được.	2012	cái	1
107	Giếng khoan	- Đặc điểm: + Gồm hệ thống máy bơm nước, hệ thống lọc nước, bể chứa nước + Bể chứa nước được xây đổ bê tông kiên cố + Hệ thống lọc nước gồm 3 tháp lọc nước, chiều cao khoảng 2m, đường kính mỗi tháp khoảng 45cm. - Hiện trạng: Giếng khoan đã sử dụng lâu năm; xung quanh miệng giếng, bể nước có rêu mốc, bùn đất; máy bơm và hệ thống lọc dính nhiều bùn đất, có hạn chế nhưng vẫn đang được sử dụng; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2010	HT	1
108	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 15 tấn, H=10,5	- Đặc điểm: + Tải trọng tối đa: 15 tấn + Được tổ hợp từ thép chuyên dụng với mặt cắt dạng hộp. + Kết cấu: thép dầm chính, xe ray con, sàn thao tác, dầm đầu, xe con nâng hạ và động cơ di chuyển, tủ điện điều khiển, ray di chuyển cho cầu trục dầm đôi - Hiện trạng: Cầu trục dầm đôi và sàn thao tác được sử dụng lâu năm; do được bảo dưỡng thường tốt nên vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn có thể tiếp tục sử dụng được.	2011	cái	1
109	Cầu trục dầm đơn Q=3 T; LK=10m	- Đặc điểm: + Tải trọng tối đa: 3 tấn + Khẩu độ của cầu trục dầm đơn: 10m + Được tổ hợp từ thép chuyên dụng với mặt cắt dạng hộp. + Kết cấu: thép dầm chính, dầm đầu - chân chạy, bánh xe di chuyển cầu trục được tổ hợp với dầm đầu cầu trục, tời nâng hạ và động cơ di chuyển cầu trục, tủ điện điều khiển, ray di chuyển - Hiện trạng: Cầu trục dầm đơn được sử dụng một thời gian, bám bụi, hạn chế, ngoại quan cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể tiếp tục sử dụng.	2011	bộ	1
110	Cầu trục dầm đơn Q=1T; LK=4m	- Đặc điểm: + Tải trọng tối đa: 1 tấn + Khẩu độ của cầu trục dầm đơn: 4m + Được tổ hợp từ thép chuyên dụng với mặt cắt dạng hộp. + Kết cấu: thép dầm chính, dầm đầu - chân chạy, bánh xe di chuyển cầu trục được tổ hợp với dầm đầu cầu trục, tời nâng hạ và động cơ di chuyển cầu trục, tủ điện điều khiển, ray di chuyển - Hiện trạng: Cầu trục dầm đơn được sử dụng một thời gian, bám bụi, hạn chế, ngoại quan cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể tiếp tục sử dụng.	2011	bộ	1

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
111	Máy cắt 1600A	- Đặc điểm: + Trọng lượng khoảng 50kg + Số cực: 3P + Gắn kết dạng cố định + Bao gồm khung CB; bộ đầu nối; tiếp điểm báo trạng thái; tiếp điểm báo sự cố - Hiện trạng: máy cắt được sử dụng một thời gian; vẫn đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật và có thể tiếp tục sử dụng	2012	cái	2
112	Xe gòng chở liệu	- Đặc điểm: + Cấu tạo gồm khung xe, trục chuyển động, bánh xe, móc kéo + Xe gòng chở liệu được đặt trên hệ thống đường ray xe gòng. + Xe gồm nhiều bánh xe nhỏ, di chuyển trên hệ thống đường ray xe gòng gồm 2 thanh ray được bố trí song song dọc theo đường di chuyển của xe. + Xe gòng di chuyển bằng hệ thống tời xích + Khung xe gòng được làm bằng thép chịu lực, có độ bền cao. - Hiện trạng: Xe gòng đã được sử dụng lâu năm; có ngoại quan cũ; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	2
113	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 20/8 tấn, H=10,	- Đặc điểm: + Được tổ hợp từ thép chuyên dụng với mặt cắt dạng hộp. + Kết cấu: thép dầm chính, xe ray con, sàn thao tác, dầm đầu, xe con nâng hạ và động cơ di chuyển, tủ điện điều khiển, ray di chuyển cho cầu trục dầm đôi - Hiện trạng: Cầu trục dầm đôi và sàn thao tác được sử dụng lâu năm; do được bảo dưỡng thường tốt nên vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn có thể tiếp tục sử dụng được.	2010	cái	1
114	Hệ thống đường ray cầu đóng bó sản phẩm	- Đặc điểm: + Hệ thống đường ray cầu đóng bó sản phẩm - Hiện trạng: Hệ thống đường ray cầu đóng bó sản phẩm đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hiện đang tạm dừng sử dụng	2012	HT	1
115	Hệ thống rầm ray NMC	- Đặc điểm: + Bao gồm con lăn, đường ray và hệ thống động cơ truyền động, hệ thống đường ray dưới lòng đất kéo dài từ nhà máy đúc qua nhà máy cán. - Hiện trạng: Hệ thống rầm ray đã được sử dụng từ lâu, hệ thống thiết bị bám nhiều bụi, han gỉ, ngoại quan cũ nhưng do được bảo dưỡng thường xuyên nên vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Hiện tại không dùng nhưng vẫn còn sử dụng được.	2012	HT	1
116	Sàn thao tác lò khí than NMC	- Đặc điểm: + Sàn thao tác lò khí than được làm bằng thép; cao 3m so với mặt đất, có cầu thang đi lên, có lan can cao 1,5m bao xung quanh. - Hiện trạng: sàn thao tác lò khí than đã được sử dụng từ lâu, ngoại quan cũ, xuất hiện nhiều rỉ sét nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể sử dụng được.	2012	cái	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
117	Thùng xỉ than, cấp than đầu mẫu, phoi tiện	- Đặc điểm: + Thùng có dạng nón ngược, trọng lượng khoảng 7 tấn + Thùng được cấu tạo bởi lớp tường xây bằng vật liệu chịu lửa và 1 lớp thép dày 0,5cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Thùng đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	8
118	Thùng đựng đầu mẫu máy cưa	- Đặc điểm: + Thùng có dạng nón ngược, trọng lượng khoảng 7 tấn + Thùng được cấu tạo bởi lớp tường xây bằng vật liệu chịu lửa và 1 lớp thép dày 0,5cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Thùng đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	cái	2
119	Xilô than, sàn thao tác lò khí than	- Đặc điểm: + Xilô cung cấp than hình chữ nhật, kích thước khoảng 5m x 2m x 4m + Cấu tạo: bằng thép dày + Sàn thao tác lò khí than được làm bằng thép; cao 3m so với mặt đất, có cầu thang đi lên, có lan can cao 1,5m bao xung quanh. - Hiện trạng: Xilô và sàn thao tác lò khí than đã được sử dụng từ lâu, ngoại quan cũ, xuất hiện nhiều rỉ sét nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có thể sử dụng được.	2012	cái	1
120	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-1167	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Trung Quốc + Nam châm điện bằng kim loại dùng để hút thép + Cấu tạo theo bộ, gồm 4 nam châm và 1 tủ điều khiển - Hiện trạng: Nam châm điện đã được sử dụng lâu năm; có ngoại quan bình thường; phần thép bên ngoài bị bong tróc nhẹ; vẫn đang sử dụng tốt; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	bộ	1
121	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-8067	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Trung Quốc + Nam châm điện bằng kim loại dùng để hút thép + Cấu tạo theo bộ, gồm 4 nam châm và 1 tủ điều khiển - Hiện trạng: Nam châm điện đã được sử dụng lâu năm; có ngoại quan bình thường; phần thép bên ngoài bị bong tróc nhẹ; vẫn đang sử dụng tốt; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	bộ	1
122	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-7067	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Trung Quốc + Nam châm điện bằng kim loại dùng để hút thép + Cấu tạo theo bộ, gồm 4 nam châm và 1 tủ điều khiển - Hiện trạng: Nam châm điện đã được sử dụng lâu năm; có ngoại quan bình thường; phần thép bên ngoài bị bong tróc nhẹ; vẫn đang sử dụng tốt; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	bộ	2
123	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-130170	- Đặc điểm: + Xuất xứ: Trung Quốc + Nam châm điện bằng kim loại dùng để hút thép + Cấu tạo theo bộ, gồm 4 nam châm; 1 tủ điều khiển; 1 thiết bị bảo vệ nam châm khi mất điện; 1 bộ liên kết cấp điện - Hiện trạng: Nam châm điện đã được sử dụng lâu năm; có ngoại quan bình thường; phần thép bên ngoài bị bong tróc nhẹ; vẫn đang sử dụng tốt; các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2012	bộ	1

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
124	Cầu trục 20 tấn nạp liệu cho lò TT 5 tấn và CP	- Đặc điểm: + Cầu trục 2 dầm 20 tấn, H=16m, Hn= 8m tốc độ nâng 8 m/ph, nguồn điện cung cấp 380V, 50Hz, 3 Ph, điện áp điều khiển 220V - Hiện trạng: Đã được sử dụng một thời gian dài, ngoại quan khá tốt, được bảo dưỡng thường xuyên nên còn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, được sử dụng bình thường.	2011	Cái	1
125	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 25/8 tấn	- Đặc điểm: + Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 25/8 tấn, H=16,5m, Lk= 14,5m tốc độ nâng 8/4 m/ph, nguồn điện cung cấp 380V, 50Hz, 3 Ph, điện áp điều khiển 48V - Hiện trạng: Đã được sử dụng một thời gian dài, ngoại quan khá tốt, được bảo dưỡng thường xuyên nên còn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, được sử dụng bình thường.	2010	Cái	1
126	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác Q=20 tấn	- Đặc điểm: + Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 25/8 tấn, H=16,5m, Lk= 14,5m tốc độ nâng 8/4 m/ph, nguồn điện cung cấp 380V, 50Hz, 3 Ph, điện áp điều khiển 48V - Hiện trạng: Đã được sử dụng một thời gian dài, ngoại quan khá tốt, được bảo dưỡng thường xuyên nên còn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, được sử dụng bình thường.	2010	Cái	1
127	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác bé 20/5 tấn	- Đặc điểm: + Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 25/8 tấn, H=15m, Hn= 8m tốc độ nâng 8/4 m/ph, nguồn điện cung cấp 380V, 50Hz, 3 Ph, điện áp điều khiển 48V - Hiện trạng: Đã được sử dụng một thời gian dài, ngoại quan khá tốt, được bảo dưỡng thường xuyên nên còn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, được sử dụng bình thường.	2010	Cái	1
128	Lò khí than 2m	- Đặc điểm: + Lò sinh khí than model: XMF phi 2.0m dùng SX khí than cung cấp cho lò nung phôi thép, 220v-380v, 1 bộ gồm: thân lò, nắp lo, ghi lò, mâm cho, bơm, bao chứa hơi, tủ điều khiển. - Hiện trạng: Đã được sử dụng một thời gian dài, đã bị hư hỏng nặng, bị rỉ sét nhiều, ngoại quan xấu, không còn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, không còn được sử dụng	2011	bộ	1
129	Lò HQ Nhà máy đúc	- Đặc điểm: + Bộ lò hồ quang đồng bộ tháo rời KH: EAF công suất 15T/90p, 8000KVa, điện 3 pha, 1 bộ lò gồm: thân lò, tủ điều khiển, tủ điện, biến áp nắp lò, bộ phun carbon. + Được bao bọc bởi lớp tường xây bằng vật liệu chịu lửa và phần lớn kích thước giành cho bộ phận làm mát bằng nước .Nắp lò có dạng như một cái nắp trên có gắn các điện cực bằng than mà có thể nhấc lên hạ xuống được + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đã được sử dụng từ lâu, hình thức bên ngoài hơi cũ còn đầy đủ các bộ phận chức năng nhưng không còn được sử dụng bởi không đáp ứng được hiệu quả kinh tế.	2011	bộ	1

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
130	Lò LF NMD	- Đặc điểm: + Bộ lò tinh luyện thép hồ quang đồng bộ tháo rời KH: LF-20T công suất 20T/90p, 4000KVA, điện 3 pha, 1 bộ gồm: thân lò, tủ điều khiển, tủ điện, biến áp nắp lò, bộ phun carbon + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đã được sử dụng từ lâu, hình thức bên ngoài hơi cũ còn đầy đủ các bộ phận chức năng, vẫn có thể tiếp tục sử dụng	2011	bộ	1
131	Cầu trục cho NM luyện: YZ-A8 20- 50 tấn xuất 241	- Đặc điểm: + Cầu trục chuyên dùng cho luyện kim YZA8 50T/20T H=16,5m, S=14,4m, tổng công suất: 380V, 224.5kW không tự hành, hàng đồng bộ tháo rời + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đã được sử dụng từ lâu, hình thức bên ngoài hơi cũ còn đầy đủ các bộ phận chức năng, vẫn có thể tiếp tục sử dụng	2011	bộ	1
132	Cầu trục cho NM luyện: QDY-A7 15-35 tấn	- Đặc điểm: + Cầu trục chuyên dùng phục vụ cầu thùng nước thép 2 lò trung tần 5 tần QDY-A7-35T/15T H=16,5m, S=14,4m, tổng công suất: 380V, 199.5kW không tự hành, hàng đồng bộ tháo rời + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đã được sử dụng từ lâu, hình thức bên ngoài hơi cũ còn đầy đủ các bộ phận chức năng, vẫn có thể tiếp tục sử dụng	2011	bộ	1
133	Máy đúc phôi liên tục R8	- Đặc điểm: + Máy đúc phôi thép liên tục 2 dòng, KH R8m gồm tủ điều khiển điện, thùng đựng nước thép, máy nắn thẳng phôi thép, con lăn vận chuyển phôi, trạm thủy lực, động cơ, giảm tốc, tổng công suất 172KW, 380V, hàng đồng bộ + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đã được sử dụng từ lâu, hình thức bên ngoài hơi cũ còn đầy đủ các bộ phận chức năng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật nên vẫn được sử dụng	2011	bộ	1
134	Máy lọc bụi CN đồng bộ 790 kw	- Đặc điểm: + Máy hút lọc bụi CN đồng bộ, KH: XYLMC 6200, tổng CS: 790W, 380V, S lọc = 6250m ² ; gồm: quạt hút chính, phễu hút, xả, tủ ĐK 380v/220v, bộ lọc bụi, chân đế (tháo rời để vận chuyển) + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đã được sử dụng từ lâu, hình thức bên ngoài hơi cũ còn đầy đủ các bộ phận chức năng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật nên vẫn được sử dụng	2011	bộ	1
135	Thiết bị lọc nước , van, PK ngoại biên (NK)	- Đặc điểm: + Tổ hợp Thiết bị lọc nước bao gồm hệ thống đường ống dẫn, máy bơm, 3 tháp lọc cao 4m đường kính mỗi tháp khoảng 65cm + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đã được sử dụng từ lâu, hình thức bên ngoài cũ, đã xuất hiện rỉ sét nhiều, vẫn được bảo dưỡng thường xuyên nên vẫn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và được sử dụng thường xuyên.	2011	bộ	1

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẶC ĐIỂM	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
136	Thiết bị sấy thùng nước thép (Nhập khẩu)	- Đặc điểm: + Thiết bị đồng bộ, 1 bộ gồm: 1 quạt gió, 1 bếp đốt, 1 tời, không dùng điện + Thiết bị sấy bằng khí than có hình dáng như một cái nắp trên có các lỗ thoát khí than, có thể nâng lên hạ xuống được bởi hệ thống cần trợ lực + Xuất xứ: Trung Quốc. - Hiện trạng: Đã được sử dụng từ lâu, hình thức bên ngoài cũ còn đầy đủ các bộ phận chức năng, vẫn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, tính kinh tế và vẫn được tiếp tục sử dụng hàng ngày.	2011	Thùng	3
137	Tháp làm mát dùng cho NM luyện phôi	- Đặc điểm: + Tháp giải nhiệt vuông làm mát (làm mát bằng nước) dùng cho nhà máy luyện gang KH: 20BZGN-300, lượng nước tuần hoàn 300m ³ /h, 380v, tổng công suất 75kW + Thùng được cấu tạo bởi lớp tường xây bằng vật liệu chịu lửa và 1 lớp thép dày 0,5cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Tháp đã được đưa vào sử dụng lâu năm, ngoại quan bên ngoài khá cũ rêu bám và bong tróc nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vẫn được sử dụng.	2011	bộ	1
138	Thùng đựng nước thép dùng cho luyện kim	- Đặc điểm: + Thùng có dạng hình trụ đứng cao khoảng 2m, trọng lượng khoảng 7 tấn + Thùng được cấu tạo bởi lớp tường xây bằng vật liệu chịu lửa và 1 lớp thép dày 0,5cm bao bọc bên ngoài - Hiện trạng: Thùng đã sử dụng được một thời gian, được tu bổ sửa chữa thường xuyên, ngoại quan hơi cũ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	2011	tấn	21,6
III Bất động sản đầu tư					
1	Nhà hai tầng	- Đặc điểm: + Nhà 2 tầng bao gồm 1 tầng và 1 tum + Tường xây gạch trát vữa xi măng, lăn sơn cả trong lẫn ngoài, hiện trạng đã xuất hiện một vài vết nứt nhỏ, sơn tường bong tróc một số chỗ + Móng: hệ thống móng, khung cột bằng bê tông cốt thép, hiện trạng còn tốt chưa có dấu hiệu lún nứt. + Nền nhà ốp gạch men, ốp gỗ, hiện trạng nền nhà còn tốt. + Nhà vệ sinh lát gạch men chống trượt, tường ốp gạch men đến cao trần. Đầy đủ bột, gương, hiện trạng thiết bị còn tốt. - Hiện trạng: Nhà đưa vào sử dụng lâu năm. Có ngoại quan tương đối đẹp, các kết cấu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	2013	Cái	1

PHỤ LỤC 2: BẢNG TÍNH CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Hạng mục: Nhà cửa, vật kiến trúc

(Kèm theo Báo cáo thẩm định giá số 19/2022/BCTĐG-KVA ngày 22/03/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA)

Phương pháp thẩm định giá áp dụng để tính giá trị công trình xây dựng: Phương pháp chi phí tái tạo.

Giá trị thực tế của tài sản = Nguyên giá xây dựng mới công trình (x) Chất lượng còn lại của tài sản tại thời

Xác định nguyên giá mới của công trình xây dựng trên đất

Nguyên giá xây dựng mới công trình được xác định bằng hai cách như sau:

+ Nguyên giá mới của công trình xây dựng xác định theo phương pháp chi phí thay thế. Phương pháp chi phí

+ Hoặc bằng giá trị quyết toán từng hạng mục của công trình đã có hồ sơ quyết toán, nghiệm thu công trình nhân

STT	Thời điểm	Năm gốc	Khu vực	Chỉ số giá xây dựng công trình	Ghi chú
1	31/12/2022	2022	Thành phố	102,55%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
2	2022	2021	Thành phố	102,31%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
3	2021	2020	Thành phố	103,23%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
4	2020	2019	Thành phố	102,79%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
5	2019	2018	Thành phố	103,54%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
6	2018	2017	Thành phố	103,53%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
7	2017	2016	Thành phố	102,66%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
8	2016	2015	Thành phố	100,63%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
9	2015	2014	Thành phố	104,90%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
10	2014	2013	Thành phố	105,60%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
11	2013	2012	Thành phố	107,21%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
12	2012	2011	Thành phố	114,58%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
13	2011	2010	Thành phố	114,13%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
14	2010	2009	Thành phố	110,75%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
15	2009	2008	Thành phố	106,88%	Số liệu lấy từ Tổng cục thống kê
16	31/12/2022	2008	Thành phố	226,64%	
17	31/12/2022	2009	Thành phố	212,05%	
18	31/12/2022	2010	Thành phố	191,47%	
19	31/12/2022	2011	Thành phố	167,76%	
20	31/12/2022	2012	Thành phố	146,42%	
21	31/12/2022	2013	Thành phố	136,57%	
22	31/12/2022	2014	Thành phố	129,33%	
23	31/12/2022	2015	Thành phố	123,29%	
24	31/12/2022	2016	Thành phố	122,51%	
25	31/12/2022	2017	Thành phố	119,34%	
26	31/12/2022	2018	Thành phố	115,27%	
27	31/12/2022	2019	Thành phố	111,33%	
28	31/12/2022	2020	Thành phố	108,31%	
29	31/12/2022	2021	Thành phố	104,92%	
30	31/12/2022	2022	Thành phố	102,55%	

PHỤ LỤC 3: BẢNG XÁC ĐỊNH TỶ LỆ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI CỦA CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Kèm theo Báo cáo thẩm định giá số 19/2022/BCTĐG-KVA ngày 22/03/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA)

- Tỷ lệ chất lượng còn lại theo phương pháp chuyển gia được đánh giá dựa trên hiện trạng chất lượng thực tế của công trình xây dựng
- Tỷ lệ chất lượng còn lại theo phương pháp tuổi đời hiệu quả và tuổi đời kinh tế của công trình xây dựng:

$$\text{Tỷ lệ CLCL} = 1 - \frac{\text{Tuổi đời hiệu quả}}{\text{Tuổi đời kinh tế}} \times 100\%$$

 - Tuổi đời hiệu quả (t) được tính trên cơ sở: Năm hiện tại - Năm sử dụng.
 - Tuổi đời kinh tế (T) được xác định theo Phụ lục 1: Khung thời gian trích khấu hao các loại tài sản cố định (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định).
- Tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản được xác định bằng trung bình cộng giữa 2 phương pháp nếu chênh lệch giữa kết quả của 2 phương pháp không quá 20% và bằng kết quả của phương pháp chuyển gia nếu mức chênh lệch này trên 20%.

STT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Phương pháp chuyển gia	Phương pháp tuổi đời			Tỷ lệ CLCL	Ghi chú
				t	T	Tỷ lệ CLCL		
1	Nhà VP chính cty giai đoạn 2	2012	48%	10	20	50%	49%	
2	Hàng rào bao quanh nhà máy năng cấp giai đoạn 2	2012	45%	10	15	33%	39%	
3	Chuyển nhượng TS gắn liền với đất	2010	0%	12	10	0%	0%	
4	Nhà xưởng CN số 1	2010	25%	12	20	40%	33%	
5	Văn phòng NMD	2010	58%	12	25	52%	55%	
6	Căng tin	2010	35%	12	15	20%	28%	
7	Nhà xưởng 700m	2014	63%	8	20	60%	62%	
8	Nhà xưởng cán thép	2010	30%	12	20	40%	35%	
9	Nhà xưởng 1692m	2014	62%	8	20	60%	61%	
10	Văn phòng NMC	2010	56%	12	25	52%	54%	
11	Trạm biến áp 320KV	2008	40%	14	25	44%	42%	
12	Trạm điện hạ thế máy kép	2008	40%	14	25	44%	42%	
13	Nhà luyện thép	2010	30%	12	20	40%	35%	
14	Trạm biến áp T3 công suất 10.500KVA	2011	40%	11	27	59%	50%	
15	Nhà văn phòng	2008	40%	14	20	30%	35%	
16	Tường rào quanh NM	2009	35%	13	15	13%	35%	
17	Đường NB sân bãi	2010	35%	12	15	20%	28%	
18	Trạm biến áp 110 KV	2011	69%	11	35	69%	69%	
19	Trạm biến áp 4.000 KVA và 10.500 KVA (NMD)	2011	40%	11	27	59%	50%	

PHỤ LỤC 3.1: BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Hạng mục: Nhà cửa, vật kiến trúc

(Kèm theo Báo cáo thẩm định giá số 19/2022/BCTDGG-KVA ngày 22/03/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA)

Đơn vị tính: VND

STT	TÊN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ HOẶC GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN	CHỈ SỐ TRƯỢT GIÁ	NGUYÊN GIÁ MỚI	TỶ LỆ CLCL	GIÁ TRỊ ĐÁNH GIÁ LẠI	GHI CHÚ
I	Nhà cửa, vật kiến trúc								205.755.894.660	
1	Nhà VP chính cty giai đoạn 2	2012	Hệ thống	1	3.207.774.321	146,42%	4.696.692.842	49%	2.301.379.493	
2	Hàng rào bao quanh nhà máy năng cấp giai đoạn 2	2012	Hệ thống	1	713.908.677	146,42%	1.045.276.082	39%	407.657.672	
3	Chuyến nhượng TS gần liền với đất	2010	Hệ thống	1	8.139.905.185	191,47%	15.585.341.894	0%	-	
4	Nhà xưởng CN số 1	2010	Hệ thống	1	34.090.688.826	191,47%	65.272.878.332	33%	21.540.049.850	
5	Văn phòng NMD	2010	Hệ thống	1	1.391.600.673	191,47%	2.664.474.804	55%	1.465.461.142	
6	Căng tin	2010	Hệ thống	1	1.069.588.071	191,47%	2.047.922.598	28%	573.418.328	
7	Nhà xưởng 700m	2014	Hệ thống	1	306.195.226	129,33%	395.993.041	62%	245.515.685	
8	Nhà xưởng cán thép	2010	Hệ thống	1	71.674.399.516	191,47%	137.233.787.884	35%	48.031.825.759	
9	Nhà xưởng 1692m	2014	Hệ thống	1	806.996.467	129,33%	1.043.664.164	61%	636.635.140	
10	Văn phòng NMC	2010	Hệ thống	1	2.096.448.848	191,47%	4.014.035.953	54%	2.167.579.414	
11	Trạm biến áp 320KV	2008	Hệ thống	1	272.256.363	226,64%	617.042.682	42%	259.157.927	
12	Trạm điện hạ thế máy kép	2008	Hệ thống	5	3.880.230.545	226,64%	8.794.166.781	42%	3.693.550.048	
13	Nhà luyện thép	2010	Hệ thống	1	70.112.340.435	191,47%	134.242.939.183	35%	46.985.028.714	
14	Trạm biến áp T3 công suất 10.500KVA	2011	Hệ thống	1	17.364.591.367	167,76%	29.131.425.595	50%	14.565.712.797	
15	Nhà văn phòng	2008	Hệ thống	1	902.318.930	226,64%	2.045.018.477	35%	715.756.467	
16	Tường rào quanh NM	2009	Hệ thống	1	1.191.885.348	212,05%	2.527.407.113	35%	884.592.490	
17	Đường NB sân bãi	2010	Hệ thống	1	3.376.668.182	191,47%	6.465.250.747	28%	1.810.270.209	
18	Trạm biến áp 110 KV	2011	Hệ thống	1	46.407.103.522	167,76%	77.854.125.948	69%	53.719.346.904	
19	Trạm biến áp 4.000 KVA và 10.500 KVA (NMD)	2011	Hệ thống	1	6.858.417.589	167,76%	11.505.913.239	50%	5.752.956.620	

PHỤ LỤC 4: BẢNG XÁC ĐỊNH TỶ LỆ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Hạng mục: Máy móc, thiết bị; Phương tiện vận tải, truyền dẫn; Thiết bị quản lý
 (Kèm theo Báo cáo thẩm định giá số 19/2022/BCTĐG-KVA ngày 22/03/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA)

1. Tỷ lệ chất lượng còn lại theo phương pháp chuyên gia được đánh giá dựa trên hiện trạng thực tế của máy móc thiết bị, dựa theo Phụ lục 04: Bảng tham khảo đánh giá chất lượng còn lại của máy, thiết bị (Ban hành kèm theo Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 09).
 2. Tỷ lệ chất lượng còn lại theo phương pháp tuổi đời được xác định thông qua tỷ lệ tuổi đời hiệu quả và tuổi đời kinh tế của máy móc thiết bị:

$$\text{Tỷ lệ CLCL} = 1 - \frac{\text{Tuổi đời hiệu quả}}{\text{Tuổi đời kinh tế}} \times 100\%$$

- Tuổi đời hiệu quả (t) được tính trên cơ sở: Năm hiện tại - Năm sử dụng.
 - Tuổi đời kinh tế (T) được xác định theo Phụ lục 1: Khung thời gian trích khấu hao các loại tài sản cố định (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định).
 3. Tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản được xác định bằng trung bình cộng giữa 2 phương pháp nếu chênh lệch giữa kết quả của 2 phương pháp không quá 20% và bằng kết quả của phương pháp chuyên gia nếu mức chênh lệch này trên 20%.

STT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Phương pháp chuyên gia	Phương pháp tuổi đời			Tỷ lệ CLCL	Ghi chú
				t	T	Tỷ lệ CLCL		
			Tỷ lệ CLCL					
I. Tài sản thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội								
1	Khuôn gang đúc phôi	2012	28%	10	15	33%	31%	
2	Cân ôtô điện từ 100 tấn + màn hình	2008	44%	14	25	44%	44%	
3	Máy phát điện EP-800EX	2012	5%	10	10	0%	3%	
4	Máy phát điện 5.5KW	2012	5%	10	10	0%	3%	
5	Máy phát điện	2012	5%	10	10	0%	3%	
6	Máy photo Toshiba	2012	6%	10	5	0%	3%	
7	Máy tiện 1M63	2012	33%	10	15	33%	33%	
8	Máy bảo ngang thủy lực + ôtô	2012	45%	10	15	33%	39%	
9	Máy khoan	2012	45%	10	15	33%	39%	
10	Cân móc điện từ OCS 5 tấn	2012	45%	10	15	33%	39%	
11	Cân móc điện từ OCS 5 tấn	2012	45%	10	15	33%	39%	
12	Máy biến áp dầu 3 pha	2008	33%	14	20	30%	32%	
13	Hệ thống làm mát nước	2008	16%	14	15	7%	11%	
14	Lò trung tần CJP7-800KW	2008	8%	14	20	30%	8%	
15	Lò trung tần CJP7-800KW	2008	33%	14	20	30%	32%	
16	Thùng nước thép + vật liệu chịu lửa	2012	50%	10	15	33%	42%	
17	Máy ép phế	2008	28%	14	20	30%	29%	
18	Quạt gió, tụ điện	2012	6%	10	5	0%	3%	

STT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Phương pháp chuyên gia	Phương pháp tuổi đời			Tỷ lệ CLCL	Ghi chú
				t	T	Tỷ lệ CLCL		
19	Hệ thống lọc bụi	2012	43%	10	20	50%	47%	
20	Cầu trục 3T*16m	2012	43%	10	20	50%	47%	
21	Dưỡng ẩm thùng nước thép 20 tấn	2012	43%	10	20	50%	47%	
22	Máy bơm phế liệu	2012	33%	10	20	50%	42%	
23	Máy làm đá công nghiệp	2012	3%	10	10	0%	2%	
24	Bà phá đá bê tông	2012	17%	10	10	0%	9%	
25	Máy xúc lật	2012	33%	10	15	33%	33%	
26	Xe nâng hàng	2012	33%	10	15	33%	33%	
27	Container 20 feet	2012	20%	10	7	0%	10%	
28	Container 40 feet	2012	20%	10	7	0%	10%	
29	Container 20 feet	2012	20%	10	7	0%	10%	
30	Container 20 feet	2012	20%	10	7	0%	10%	
31	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 10 tấn	2010	41%	12	20	40%	41%	
32	Móc cầu trục 50 tấn	2011	58%	11	20	45%	52%	
33	Đường ray xe gòng chở liệu	2012	38%	10	15	33%	36%	
34	Giò Liệu	2012	38%	10	15	33%	36%	
35	Cầu trục 3T*8m	2012	43%	10	15	50%	47%	
36	Máy trộn bê tông	2012	25%	10	10	0%	39%	
37	Máy hàn điện KVA	2012	43%	10	20	50%	25%	
38	Cân điện tử 30 tấn	2012	30%	10	20	50%	47%	
39	Máy xúc lật carlpher 262 C	2012	50%	10	15	33%	32%	
40	Cân móc điện tử OCS 5 tấn	2012	50%	10	15	33%	42%	
41	Cảm biến đo trọng lượng Nosell -30T	2011	28%	11	15	33%	42%	
42	Máy nhớt phế D350 (Máy kẹp vật liệu đời)	2011	28%	11	20	45%	37%	
43	Máy nhớt phế D320	2011	28%	11	20	45%	37%	
44	Máy phân tích Quang phổ	2011	28%	11	15	27%	27%	
45	Giếng khoan	2011	50%	11	20	45%	48%	
46	Tháp làm lạnh	2009	33%	13	15	13%	23%	
47	Động cơ điện (Dùng cho máy đúc)	2012	38%	10	15	33%	36%	
48	Máy photo Toshiba E 45	2012	6%	10	5	0%	3%	
49	Máy bơm nước HD HL 290-6- 7.5 kw	2008	28%	14	15	7%	28%	
50	Ô tô camry 2,4	2008	44%	14	25	44%	44%	
51	Hệ thống dẫn điện cầu trục nhà luyện cao	2012	46%	10	20	50%	48%	
52	Xây dựng đường cáp ngầm 7.2 KV	2012	38%	10	15	33%	36%	
53	Cầu trục 3T*16m	2012	46%	10	20	50%	48%	

STT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Phương pháp chuyên gia	Phương pháp tuổi đời			Tỷ lệ CLCL	Ghi chú
				t	T	Tỷ lệ CLCL		
54	Lò 5 tấn	2012	46%	10	20	50%	48%	
55	Xe goong	2012	43%	10	20	50%	47%	
56	Máy nén khí (KaiSeng)	2011	46%	11	20	45%	46%	
57	Càng gấp phôi thép 8 tấn (Minh Huy)	2011	46%	11	20	45%	46%	
58	Quạt gió Y4-73, đ/c 380v, 30kw (INM luyện thép)	2012	50%	10	15	33%	42%	
59	Đồng hồ đo nhiệt độ nước thép	2012	17%	10	10	0%	9%	
60	Máy khoan KEN	2012	45%	10	15	33%	39%	
61	Mẫu làm khuôn bằng đồng 150 x12 x 812	2012	48%	10	15	33%	41%	
62	Mẫu làm khuôn bằng đồng 200 x17 x 812	2012	48%	10	15	33%	41%	
63	Mẫu làm khuôn bằng đồng 165 x 225 x15 x 812	2012	48%	10	15	33%	41%	
64	Hộp khuôn đúc kim loại : 165 x 225 x 812	2012	48%	10	15	33%	41%	
65	Đầu dẫn phôi thép đã định hình của máy đúc phôi	2012	50%	10	20	50%	50%	
66	Máy đảo bánh xích Mitsubishi	2012	50%	10	20	50%	50%	
67	Bộ thân lò điện và nắp lò tinh luyện	2011	66%	11	25	56%	61%	
68	Dưỡng đầm thùng nước thép 30 tấn	2012	50%	10	20	50%	50%	
69	Dưỡng đầm thùng nước thép trung gian	2012	50%	10	20	50%	50%	
70	Dưỡng đầm lò trung tần 5 tấn	2012	50%	10	20	50%	50%	
71	Đường ray xe gồng thùng nước thép	2012	38%	10	15	33%	36%	
72	Hệ thống dầm ray Nhà luyện	2012	38%	10	15	33%	36%	
73	Hệ thống công trục hai dầm 35 tấn	2012	70%	10	25	60%	65%	
74	Sàn thao tác lò khí than nhà luyện	2012	48%	10	20	50%	49%	
75	Thiết bị vá lò ly tâm lò HQ	2012	38%	10	15	33%	36%	
76	Thiết bị phun than vào lò HQ	2012	38%	10	15	33%	36%	
77	Thiết bị sấy thùng trung gian kiểu năm 2 bộ	2012	48%	10	20	50%	49%	
78	Xe con tải trọng 5 tấn chiều cao 10.5 m	2011	20%	11	15	27%	23%	
79	Xe gồng xử lý thùng nước thép	2012	38%	10	15	33%	36%	
80	Quả ném liệu NLT	2012	46%	10	20	50%	48%	
81	Thùng đựng xi	2012	46%	10	20	50%	48%	
82	Thùng cấp cứu nước thép sự cố	2012	46%	10	20	50%	48%	
83	Càng gấp phôi thép	2011	32%	11	15	27%	29%	
84	Bình khí 3000 Lit (3 m3)	2011	32%	11	15	27%	29%	
85	Bình khí 4000 Lit (3 m3)	2011	32%	11	15	27%	29%	
86	Quạt sấy thùng thép 7.5 kw-2900 vp	2012	38%	10	15	33%	36%	
87	Hệ Thống ống khói	2012	45%	10	15	33%	39%	
88	Cán liên động hãm dẫn phôi 5 tấn	2012	38%	10	15	33%	36%	

STT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Phương pháp chuyên gia	Phương pháp tuổi đời			Tỷ lệ CLCL	Ghi chú
				t	T	Tỷ lệ CLCL		
89	Máy trộn bê tông 250	2011	15%	11	10	0%	8%	
90	Thùng đựng nước thép 30 tấn	2012	62%	10	20	50%	56%	
91	Máy tiện 165	2010	27%	12	15	20%	24%	
92	Hộp giảm tốc	2011	44%	11	15	27%	35%	
93	Lò trung tần 25T	2012	38%	10	15	33%	36%	
94	Xe ô tô Kí a moning	2012	43%	10	20	50%	47%	
95	Xe gòng chở than	2012	38%	10	15	33%	36%	
96	Xe gòng chở xi than	2012	38%	10	15	33%	36%	
97	Xe gòng thùng đầu mẫu sản phẩm	2012	38%	10	15	33%	36%	
98	Hệ thống silo cung cấp than 200 T	2012	38%	10	15	33%	36%	
99	Hệ thống sản lật SP tự động	2012	58%	10	25	60%	59%	
100	Hệ thống dẫn điện cầu trục NMC	2012	50%	10	20	50%	50%	
101	Giá đóng bó Sản phẩm tự động và cán 15 tấn	2012	38%	10	15	33%	36%	
102	Cầu trục gạt phôi 3 T*5 m	2012	50%	10	20	50%	50%	
103	Cầu trục gạt phôi 3 T*16 m	2012	50%	10	20	50%	50%	
104	Cầu cần phôi tự hành	2012	38%	10	15	33%	36%	
105	Máy đẩy phôi nguội vào sàn con lăn	2012	58%	10	25	60%	59%	
106	Máy đẩy phôi và hệ thống xích kéo leo dốc	2012	58%	10	25	60%	59%	
107	Giếng khoan	2010	39%	12	15	20%	30%	
108	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 15 tấn, H=10,5	2011	54%	11	25	56%	55%	
109	Cầu trục dầm đơn Q=3 T; LK=10m	2011	46%	11	20	45%	46%	
110	Cầu trục dầm đơn Q=1T; LK=4m	2011	46%	11	20	45%	46%	
111	Máy cắt 1600A	2012	38%	10	15	33%	36%	
112	Xe gòng chở liệu	2012	38%	10	15	33%	36%	
113	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 20/8 tấn, H=10,	2010	51%	12	25	52%	52%	
114	Hệ thống đường ray cầu đóng bó sản phẩm	2012	50%	10	20	50%	50%	
115	Hệ thống rầm ray NMC	2012	50%	10	20	50%	50%	
116	Sàn thao tác lò khí than NMC	2012	38%	10	15	33%	36%	
117	Thùng xi than, cấp than đầu mẫu, phoi tiện	2012	50%	10	20	50%	50%	
118	Thùng đựng đầu mẫu máy cưa	2012	50%	10	20	50%	50%	
119	Xi lô than, sàn thao tác lò khí than	2012	38%	10	15	33%	36%	
120	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-1167	2012	38%	10	15	33%	36%	
121	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-8067	2012	38%	10	15	33%	36%	
122	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-7067	2012	38%	10	15	33%	36%	
123	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-130170	2012	38%	10	15	33%	36%	

STT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Phương pháp chuyên gia	Phương pháp tuổi đời			Tỷ lệ CLCL	Ghi chú
				t	T	Tỷ lệ CLCL		
124	Quyền sở hữu máy móc thiết bị thuê mua tài chính		0%			0%	0%	
125	Cầu trục 20 tấn nạp liệu cho lò TT 5 tấn và CP	2011	54%	11	25	56%	55%	
126	Cầu trục dầm đôi có sản thao tác 25/8 tấn	2010	51%	12	25	52%	52%	
127	Cầu trục dầm đôi có sản thao tác Q=20 tấn	2010	51%	12	25	52%	52%	
128	Cầu trục dầm đôi có sản thao tác bé 20/5 tấn	2010	51%	12	25	52%	52%	
129	Lò khí than 2m	2011	23%	11	15	27%	25%	
130	Lò HQ Nhà máy đúc	2011	36%	11	20	45%	41%	
131	Lò LF NMD	2011	36%	11	20	45%	41%	
132	Cầu trục cho NM luyện: YZ-A8 20-50 tấn xuất 241	2011	52%	11	25	56%	54%	
133	Cầu trục cho NM luyện: QDY-A7 15-35 tấn	2011	52%	11	25	56%	54%	
134	Máy đúc phối liên tục R8	2011	46%	11	20	45%	46%	
135	Máy lọc bụi CN đồng bộ 790 kw	2011	32%	11	15	27%	29%	
136	Thiết bị lọc nước, van, PK ngoại biên (NK)	2011	32%	11	15	27%	29%	
137	Thiết bị sấy thùng nước thép (Nhập khẩu)	2011	46%	11	20	45%	46%	
138	Tháp làm mát dùng cho NM luyện phối	2011	32%	11	15	27%	29%	
139	Thùng đựng nước thép dùng cho luyện kim	2011	32%	11	15	27%	29%	
140	TSCĐ không đủ điều kiện trích khấu hao đưa vào chi phí SXKD	2011	46%	11	20	45%	46%	
II. Tài sản thuộc Công ty Cổ phần Công nghệ điện tử Vinachiva								
1	Xe Lexus màu đen BKS 30X -1418	2011	40%	11	15	27%	33%	
2	Xe Ford màu xám BKS 30M -5451	2008	26%	14	15	7%	16%	
3	Xe cứu long màu trắng BKS 29C-01882	2009	20%	13	15	13%	17%	
III. Tài sản thuộc Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng								
1	18 trục cán thép phi 700*1600 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
2	18 trục cán gang phi 660*1500 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
3	12 trục cán gang phi 660*1000 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
4	4 trục cán thép phi 390*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
5	1 trục cán thép phi 425*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
6	3 trục cán thép phi 390*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
7	4 trục cán phi gang 390*600 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
8	7 trục cán gang phi 380*600 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
9	4 trục cán gang phi 370*600 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
10	4 trục cán gang phi 365*600 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
11	12 trục cán gang phi 390*400 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
12	15 trục cán gang phi 380*400 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	

STT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Phương pháp chuyển giá	Phương pháp tuổi đời			Tỷ lệ CLCL	Ghi chú
				ε	T	Tỷ lệ CLCL		
13	1 trục cán thép phi 390*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
14	4 trục cán thép phi 425*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
15	2 trục cán thép phi 435*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
16	4 trục cán thép phi 390*600 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
17	7 trục cán thép phi 380*600 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
18	4 trục cán thép phi 370*600 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
19	4 trục cán thép phi 365*600 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
20	12 trục cán 390*400 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
21	15 trục cán thép phi 380*400 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
22	6 trục cán gang phi 400*800 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
23	6 trục cán gang phi 435*800 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
24	13 trục cán gang phi 410*900 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
25	10 trục cán gang phi 455*900 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
26	10 trục cán gang phi 475*900 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
27	2 trục cán gang phi 505*900 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
28	8 trục cán gang phi 425*400 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
29	8 trục cán gang phi 435 *400 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
30	3 trục cán gang phi 410*500 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
31	4 trục cán gang phi 445*500 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
32	7 trục cán gang phi 475*500 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
33	4 trục cán thép phi 410*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
34	6 trục cán thép phi 455*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
35	4 trục cán thép phi 485*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
36	3 trục cán thép phi 505*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
37	1 trục cán thép phi 400*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
38	2 trục cán thép phi 425*1150 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
39	3 trục cán thép phi 700*1600 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
40	3 trục cán thép phi 660*1500 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
41	2 trục cán thép phi 660*1000 mm	2011	24%	11	12	8%	16%	
42	8 trục cán thép phi 350*1150 mm	2010	20%	12	12	0%	10%	
43	12 trục cán gang phi 360*600 mm	2010	20%	12	12	0%	10%	
44	12 trục cán gang phi 340*600 mm	2010	20%	12	12	0%	10%	
45	10 trục cán gang phi 360*400 mm	2010	20%	12	12	0%	10%	
46	10 trục cán gang phi 340*400 mm	2010	20%	12	12	0%	10%	
47	6 trục cán tính bằng gang phi 640*1000 mm	2012	27%	10	12	17%	22%	

STT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Phương pháp chuyên gia	Phương pháp tuổi đời			Tỷ lệ CLCL	Ghi chú
				t	T	Tỷ lệ CLCL		
48	6 trục cán trung gian bằng gang phi 600*1500 mm	2012	27%	10	12	17%	22%	
49	6 trục cán thô bằng thép phi 600*1600 mm	2012	27%	10	12	17%	22%	
50	5 trục cán trung gian bằng gang phi 680*1150 mm	2013	28%	9	12	25%	27%	
51	3 trục giữa hộp truyền lực 260 M12;Z20	2010	23%	12	15	20%	22%	
52	3 bộ nối trục răng 145	2010	23%	12	15	20%	22%	
53	1 bộ nối trục răng 180	2010	23%	12	15	20%	22%	
54	4 trục cán phi 410*1150 mm	2011	24%	11	15	27%	25%	
55	Hộp truyền lực A300 đồng bộ dùng cho máy cán thép	2010	23%	12	15	20%	22%	
56	Trục răng hộp truyền lực dùng cho máy cán thép	2010	23%	12	15	20%	22%	
57	1 lưỡi cưa nguội phi 1800 mm liền mặt bích dùng cho máy cưa thép	2011	23%	11	8	0%	23%	
58	2 Hộp truyền lực đồng bộ 340 dùng cho máy cán thép	2011	23%	11	15	27%	25%	
59	1 bánh răng dự phòng của hộp truyền lực 340	2011	23%	11	15	27%	25%	
60	1 máy phay	2012	23%	10	15	33%	28%	
61	1 máy tiện kim loại	2012	27%	10	15	33%	30%	
62	1 Cầu trục dầm đôi Q=5T, Lk = 31 m	2012	34%	10	15	33%	34%	
63	1 Cầu trục dầm đôi Q=10T, Lk=10 m	2012	34%	10	15	33%	34%	
64	1 Cầu trục dầm đơn Q=3T, Lk=10 m	2012	34%	10	15	33%	34%	
65	1 Máy cắt 3P 2500A	2012	27%	10	15	33%	30%	
66	1 Động cơ Rq750 Kw, 380V	2012	27%	10	15	33%	30%	
67	1 Động cơ Rq 780 Kw, 380 V, trung quốc sản xuất	2012	27%	10	15	33%	30%	
68	1 Điện trở khởi động động cơ 750 kw (4 cấp khởi động)	2012	27%	10	15	33%	30%	
69	1 Máy tiện Liên xô 165 chống tâm 30	2011	27%	11	15	27%	27%	
70	1 máy tiện 163	2008	23%	14	15	7%	15%	
71	1 máy nắn 300 và phụ tùng đi kèm	2008	23%	14	15	7%	15%	
72	Khớp nối hoa mai	2012	27%	10	15	33%	30%	
73	4 Nối trục răng Mn6;Z46;NR145-00	2011	27%	11	12	8%	18%	
74	2 Nối trục răng M8;Z40;NR180-00	2011	27%	11	12	8%	18%	
75	Pa lăng điện trung quốc, hiệu Trường Phi, tải trọng 3 tấn, nâng cao 12 m	2012	27%	10	15	33%	30%	
76	Máy cắt ACB 3P 2500A 65 KA	2012	27%	10	15	33%	30%	
77	Giá cán thép	2009	24%	13	15	13%	19%	

PHỤ LỤC 4.1: BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

Hạng mục: Máy móc, thiết bị; Phương tiện vận tải, truyền dẫn; Thiết bị quản lý
(Kèm theo Báo cáo thẩm định giá số 19/2022/BCTĐG-KVA ngày 22/03/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá KVA)

Giá trị máy móc thiết bị, phương tiện vận tải được xác định theo phương pháp chi phí tái tạo.
Công thức tính:

Giá trị thực tế của máy móc thiết bị, phương tiện vận tải = Nguyên giá mua mới máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hoặc Nguyên giá của máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tương đương tại thời điểm thẩm định giá (x) Chất lượng còn lại của máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tại thời điểm định giá.

- Nguyên giá mới của máy móc thiết bị được tính bằng giá trị ghi trên hóa đơn mua bán đối với máy móc thiết bị sản xuất trong nước và đối với máy móc thiết bị nhập khẩu tính theo giá trị ghi trên tờ khai hải quan, invoice có điều chỉnh theo tỷ giá hối đoái đồng EUR/VND tại thời điểm thẩm định giá.

Đơn vị tính: VND

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	PHÂN LOẠI TÀI SẢN	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ HOẶC GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN	CLCL	GIÁ TRỊ ĐÁNH GIÁ LẠI	GHI CHÚ
I.	Tài sản thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội								
1	Khuôn gang đúc phối	Máy móc, thiết bị	2012	cái	2.726	23.560.119.693	31%	116.069.135.170	
2	Cần ôtô điện từ 100 tấn + màn hình	Máy móc, thiết bị	2008	Cần	1	263.809.324	44%	7.303.637.105	
3	Máy phát điện EP-800EX	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	14.500.000	3%	116.076.103	Hòng hoàn toàn
4	Máy phát điện 5.5KW	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	12.500.000	3%	435.000	Hòng hoàn toàn
5	Máy phát điện	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	11.800.000	3%	375.000	Hòng hoàn toàn
6	Máy photo Toshiba	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	10.500.000	3%	354.000	Hòng hoàn toàn
7	Máy tiện 1M63	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	181.950.000	33%	315.000	
8	Máy bào ngang thủy lực + ôtô	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	54.000.000	39%	60.043.500	
9	Máy khoan	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	24.000.000	39%	21.060.000	
10	Cần móc điện từ OCS 5 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	10.375.000	39%	9.360.000	
11	Cần móc điện từ OCS 5 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	10.375.000	39%	4.046.250	
12	Máy biến áp dầu 3 pha	Máy móc, thiết bị	2008	cái	10	3.356.221.510	32%	4.046.250	
13	Hệ thống làm mát nước	Máy móc, thiết bị	2008	HT	1	916.727.272	11%	1.073.990.883	
14	Lò trung tần CJP7-800KW.	Máy móc, thiết bị	2008	bộ	7	5.987.046.895	8%	100.840.000	Đang tháo dỡ
15	Lò trung tần CJP7-800KW	Máy móc, thiết bị	2008	bộ	3	2.400.140.280	32%	478.963.752	
16	Thùng nước thép + vật liệu chịu lửa	Máy móc, thiết bị	2012	thùng	2	97.179.377	42%	768.044.890	
17	Máy ép phế	Máy móc, thiết bị	2008	Cái	5	2.334.317.417	29%	40.815.338	
18	Quạt gió, tụ điện	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	47.492.899	3%	676.952.051	
19	Hệ thống lọc bụi	Máy móc, thiết bị	2012	HT	1	3.805.464.860	47%	1.424.787	
20	Cầu trục 3T*16m.	Máy móc, thiết bị	2012	cái	3	1.370.231.781	47%	1.788.568.484	
21	Dưỡng đầm thùng nước thép 20 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	cái	2	40.476.904	47%	644.008.937	
22	Máy bơm phế liệu	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	24.131.810.310	42%	19.024.145	Đang tháo dỡ
								10.135.360.330	

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	PHÂN LOẠI TÀI SẢN	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ HOẶC GIÁ TRỊ QUYẾT TOÀN	CLCL	GIÁ TRỊ ĐÁNH GIÁ LẠI	GHI CHÚ
23	Máy làm đá công nghiệp	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	127.340.337	2%	2.546.807	Hồng hoàn toàn
24	Búa phá đá bê tông	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	66.786.890	9%	6.010.820	
25	Máy xúc lật	Phương tiện vận tải	2012	Cái	1	441.198.242	33%	145.595.420	
26	Xe nâng hàng	Phương tiện vận tải	2012	Cái	1	385.879.808	33%	127.340.337	
27	Container 20 feet	Phương tiện vận tải	2012	cái	20	937.984.764	10%	93.798.476	
28	Container 40 feet	Phương tiện vận tải	2012	cái	2	118.732.249	10%	11.873.225	
29	Container 20 feet	Phương tiện vận tải	2012	cái	2	97.144.568	10%	9.714.457	
30	Container 20 feet	Phương tiện vận tải	2012	cái	18	860.215.142	10%	86.021.514	
31	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 10 tấn	Máy móc, thiết bị	2010	Cái	1	580.168.942	41%	237.869.266	
32	Móc cầu trục 50 tấn	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	413.568.977	52%	215.055.868	
33	Đường ray xe gòng chở liệu	Máy móc, thiết bị	2012	m	60	161.907.612	36%	58.286.740	
34	Giò Liệu	Máy móc, thiết bị	2012	Kg	35.850	1.431.265.312	36%	515.255.512	
35	Cầu trục 3T*8m	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	338.386.909	47%	159.041.847	
36	Máy trộn bê tông	Máy móc, thiết bị	2012	cái	3	91.882.568	39%	35.834.202	
37	Máy hàn điện KVA	Máy móc, thiết bị	2012	cái	28	453.341.312	25%	113.335.328	
38	Cần điện từ 30 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	cái	2	1.160.337.885	47%	545.358.806	
39	Máy xúc lật carliphier 262 C	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	2.605.104.268	32%	833.633.366	Hồng hoàn toàn
40	Cần móc điện từ OCS 5 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	10.500.000	42%	4.410.000	
41	Cảm biến đo trọng lượng Nosell -30T	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	10.275.000	42%	4.315.500	
42	Máy nhóp phé D350 (Máy kẹp vật liệu dòi)	Máy móc, thiết bị	2011	cái	1	16.536.049.282	37%	6.118.338.234	Tạm ngưng sử dụng
43	Máy nhóp phé D320	Máy móc, thiết bị	2011	cái	1	8.123.972.890	37%	3.005.869.969	
44	Máy phân tích Quang phổ	Máy móc, thiết bị	2011	cái	1	1.518.555.617	27%	410.010.017	
45	Giếng khoan	Máy móc, thiết bị	2011	cái	1	109.090.909	48%	52.363.636	
46	Tháp làm lạnh	Máy móc, thiết bị	2009	cái	1	806.849.163	23%	185.575.307	
47	Động cơ điện (Dùng cho máy đúc)	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	17.809.837	36%	6.411.541	
48	Máy photo Toshiba E 45	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	22.262.297	3%	667.869	Hồng hoàn toàn
49	Máy bơm nước HD HL 290-6- 7.5 kw	Máy móc, thiết bị	2008	cái	1	25.594.220	28%	7.166.382	
50	Ô tô camry 2,4	Phương tiện vận tải	2008	cái	1	822.630.470	44%	361.957.407	
51	Hệ thống dẫn điện cầu trục nhà luyện cao	Máy móc, thiết bị	2012	HT	1	984.937.972	48%	472.770.227	
52	Xây dựng đường cáp ngầm 7.2 KV	Máy móc, thiết bị	2012	HT	1	236.115.267	36%	85.001.496	
53	Cầu trục 3T*16m	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	368.069.971	48%	176.673.586	
54	Lò 5 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	2	5.414.238.396	48%	2.598.834.430	
55	Xe goong	Phương tiện vận tải	2012	Cái	2	593.661.243	47%	279.020.784	
56	Máy nén khí (KaiSeng)	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	2	1.369.793.175	46%	630.104.860	
57	Càng gấp phơi thép 8 tấn (Minh Huy)	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	1	100.922.411	46%	46.424.309	
58	Quạt gió Y4-73, đ/c 380v, 30kw (INM luyện thép)	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	123.362.176	42%	51.812.114	

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	PHÂN LOẠI TÀI SẢN	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ HOẶC GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN	CLCL	GIÁ TRỊ ĐÁNH GIÁ LẠI	GHI CHÚ
59	Đồng hồ đo nhiệt độ nước thép	Máy móc, thiết bị	2012	cái	4	168.515.541	9%	15.166.399	
60	Máy khoan KEN	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	27.271.313	39%	10.635.812	
61	Mẫu làm khuôn bằng đồng 150 x12 x 812	Máy móc, thiết bị	2012	Chiếc	6	195.211.722	41%	80.036.806	
62	Mẫu làm khuôn bằng đồng 200 x17 x 812	Máy móc, thiết bị	2012	Chiếc	6	364.370.044	41%	149.391.718	
63	Mẫu làm khuôn bằng đồng 165 x 225 x15 x 812	Máy móc, thiết bị	2012	Chiếc	2	104.528.262	41%	42.856.588	
64	Hộp khuôn đúc kim loại : 165 x 225 x 812	Máy móc, thiết bị	2012	Chiếc	2	321.136.499	41%	131.665.965	
65	Đầu dẫn phôi thép đã định hình của máy đúc phôi	Máy móc, thiết bị	2012	Chiếc	2	22.969.786	50%	11.484.893	
66	Máy đào bánh xích Mitsubisi	Phương tiện vận tải	2012	Cái	1	418.261.331	50%	209.130.665	
67	Bộ thân lò điện và nắp lò tinh luyện	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	126.081.775	61%	76.909.883	
68	Dưỡng đầm thùng nước thép 30 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	cái	2	59.366.124	50%	29.683.062	
69	Dưỡng đầm thùng nước thép trung gian	Máy móc, thiết bị	2012	cái	2	48.572.282	50%	24.286.141	
70	Dưỡng đầm lò trung tần 5 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	cái	2	67.461.506	50%	33.730.753	
71	Đường ray xe gồng thùng nước thép	Máy móc, thiết bị	2012	m	115	310.322.923	36%	111.716.252	
72	Hệ thống dầm ray Nhà luyện	Máy móc, thiết bị	2012	HT	1	2.023.845.148	36%	728.584.253	
73	Hệ thống công trục hai dầm 35 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	bộ	1	18.287.734.600	65%	11.887.027.490	
74	Sàn thao tác lò khí than nhà luyện	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	404.769.030	49%	198.336.825	
75	Thiết bị vá lò ly tâm lò HQ	Máy móc, thiết bị	2012	bộ	1	175.399.913	36%	63.143.969	
76	Thiết bị phun than vào lò HQ	Máy móc, thiết bị	2012	bộ	1	539.692.040	36%	194.289.134	
77	Thiết bị sấy thùng trung gian kiểu nằm 2 bộ	Máy móc, thiết bị	2012	bộ	6	890.491.865	49%	436.341.014	
78	Xe con tải trọng 5 tấn chiều cao 10.5 m	Phương tiện vận tải	2011	cái	2	369.689.048	23%	85.028.481	Hàng vận hành kém
79	Xe gồng xử lý thùng nước thép	Phương tiện vận tải	2012	bộ	1	242.861.418	36%	87.430.111	
80	Quả ném liệu NLT	Máy móc, thiết bị	2012	quả	1	332.450.296	48%	159.576.142	
81	Thùng đựng xỉ	Máy móc, thiết bị	2012	thùng	4	323.815.226	48%	155.431.309	
82	Thùng cấp cứu nước thép sự cố	Máy móc, thiết bị	2012	cái	3	80.953.805	48%	38.857.826	
83	Càng gấp phôi thép	Máy móc, thiết bị	2011	cái	1	107.938.408	29%	31.302.138	
84	Bình khí 3000 Lit (3 m3)	Máy móc, thiết bị	2011	cái	1	59.366.124	29%	17.216.176	
85	Bình khí 4000 Lit (3 m3)	Máy móc, thiết bị	2011	cái	1	68.271.043	29%	19.798.602	
86	Quạt sấy thùng thép 7.5 kw-2900 vp	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	27.400.976	36%	9.864.352	
87	Hệ Thống ống khói	Máy móc, thiết bị	2012	HT	1	11.010.147.231	39%	4.293.957.420	
88	Cần liên động hãm dẫn phôi 5 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	cái	2	863.507.263	36%	310.862.615	
89	Máy trộn bê tông 250	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	1	13.285.714	8%	1.062.857	
90	Thùng đựng nước thép 30 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	Thùng	4	2.158.768.158	56%	1.208.910.169	
91	Máy tiện 165	Máy móc, thiết bị	2010	Cái	1	1.636.363.636	24%	392.727.273	
92	Hộp giám tốc	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	1	53.181.000	35%	18.613.350	
93	Lò trung tần 25T	Máy móc, thiết bị	2012	Cái	1	25.757.745.229	36%	9.272.788.282	
94	Xe ô tô Kia moning	Phương tiện vận tải	2012	Cái	2	850.000.000	47%	399.500.000	

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	PHÂN LOẠI TÀI SẢN	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ HOẶC GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN	CLCL	GIÁ TRỊ ĐÁNH GIÁ LẠI	GHI CHÚ
95	Xe gồng chở than	Phương tiện vận tải	2012	cái	1	107.938.408	36%	38.857.827	
96	Xe gồng chở xỉ than	Phương tiện vận tải	2012	cái	1	53.969.203	36%	19.428.913	
97	Xe gồng thùng đầu mẫu sản phẩm	Phương tiện vận tải	2012	cái	1	107.938.408	36%	38.857.827	
98	Hệ thống silo cung cấp than 200 T	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	404.769.030	36%	145.716.851	
99	Hệ thống sàn lật SP tự động	Máy móc, thiết bị	2012	HT	1	3.035.767.721	59%	1.791.102.955	
100	Hệ thống dẫn điện cầu trục NMC	Máy móc, thiết bị	2012	HT	1	674.615.048	50%	337.307.524	
101	Giá đóng bó Sản phẩm tự động và cân 15 tấn	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	742.076.554	36%	267.147.559	
102	Cầu trục gạt phối 3 T*5 m	Máy móc, thiết bị	2012	cái	2	709.425.186	50%	354.712.593	
103	Cầu trục gạt phối 3 T*16 m	Máy móc, thiết bị	2012	cái	3	1.104.209.913	50%	552.104.956	
104	Cầu cân phối tự hành	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	270.115.866	36%	97.241.712	
105	Máy đẩy phối người vào sân con lăn	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	269.846.020	59%	159.209.152	
106	Máy đẩy phối và hệ thống xích kéo leo dốc	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	674.615.050	59%	398.022.879	
107	Giếng khoan	Máy móc, thiết bị	2010	HT	1	310.322.923	30%	93.096.877	
108	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 15 tấn, H=10,5	Máy móc, thiết bị	2011	cái	1	742.076.554	55%	408.142.105	
109	Cầu trục dầm đơn Q=3 T; LK=10m	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	269.846.020	46%	124.129.169	
110	Cầu trục dầm đơn Q=1T; LK=4m	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	202.384.514	46%	93.096.877	
111	Máy cắt 1600A	Máy móc, thiết bị	2012	cái	2	128.572.429	36%	46.286.074	
112	Xe gồng chở liệu	Phương tiện vận tải	2012	cái	2	1.160.337.885	36%	417.721.639	
113	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 20/8 tấn, H=10,	Máy móc, thiết bị	2010	cái	1	876.999.564	52%	456.039.773	
114	Hệ thống đường ray cầu đóng bó sản phẩm	Máy móc, thiết bị	2012	HT	1	148.415.311	50%	74.207.655	
115	Hệ thống rầm ray NMC	Máy móc, thiết bị	2012	HT	1	1.214.307.088	50%	607.153.544	
116	Sàn thao tác lò khí than NMC	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	674.615.050	36%	242.861.418	
117	Thùng xỉ than, cấp than đầu mẫu, phối tiện	Máy móc, thiết bị	2012	cái	8	129.526.091	50%	64.763.045	
118	Thùng đựng đầu mẫu máy cưa	Máy móc, thiết bị	2012	cái	2	32.381.523	50%	16.190.761	
119	Xi lô than, sàn thao tác lò khí than	Máy móc, thiết bị	2012	cái	1	472.230.534	36%	170.002.992	
120	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-1167	Máy móc, thiết bị	2012	bộ	1	426.474.052	36%	153.530.659	
121	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-8067	Máy móc, thiết bị	2012	bộ	1	345.267.722	36%	124.296.380	
122	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-7067	Máy móc, thiết bị	2012	bộ	2	658.066.162	36%	236.903.818	
123	Nam châm điện bằng kim loại KH : MV22-130170	Máy móc, thiết bị	2012	bộ	1	904.534.503	36%	325.632.421	
124	Quyển sở hữu máy móc thiết bị thuê mua tài chính	Máy móc, thiết bị				100.000.000	0%	0	
125	Cầu trục 20 tấn nạp liệu cho lò TT 5 tấn và CP	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	1	1.089.842.747	55%	599.413.511	
126	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 25/8 tấn	Máy móc, thiết bị	2010	Cái	1	913.781.689	52%	475.166.478	
127	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác Q=20 tấn	Máy móc, thiết bị	2010	Cái	1	737.720.631	52%	383.614.728	
128	Cầu trục dầm đôi có sàn thao tác 20/5 tấn	Máy móc, thiết bị	2010	Cái	1	789.795.028	52%	410.693.415	
129	Lò khí than 2m	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	1.116.105.827	25%	279.026.457	
130	Lò HQ Nhà máy đúc	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	21.050.855.670	41%	8.630.850.825	

STT	TÊN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH	PHÂN LOẠI TÀI SẢN	NĂM SỬ DỤNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ HOẶC GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN	CLCL	GIÁ TRỊ ĐÁNH GIÁ LẠI	GHI CHÚ
131	Lò LF NMD	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	12.465.376.177	41%	5.110.804.232	
132	Cầu trục cho NM luyện: YZ-A8 20-50 tấn xuất 241	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	4.725.503.211	54%	2.551.771.734	
133	Cầu trục cho NM luyện: QDY-A7 15-35 tấn	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	3.051.147.741	54%	1.647.619.780	
134	Máy đúc phôi liên tục R8	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	15.019.825.588	46%	6.909.119.771	
135	Máy lọc bụi CN đồng bộ 790 kw	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	13.085.769.995	29%	3.794.873.298	
136	Thiết bị lọc nước, van, PK ngoại biên (NK)	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	2.859.915.440	29%	829.375.478	
137	Thiết bị sấy thùng nước thép (Nhập khẩu)	Máy móc, thiết bị	2011	Thùng	3	1.306.556.379	46%	601.015.934	
138	Tháp làm mát dùng cho NM luyện phôi	Máy móc, thiết bị	2011	bộ	1	12.394.502.447	29%	3.594.405.710	
139	Thùng đựng nước thép dùng cho luyện kim	Máy móc, thiết bị	2011	tấn	21,6	1.126.590.596	46%	518.231.674	
140	TSCĐ không đủ điều kiện trích khấu hao đưa vào chi phí SXKD					15.759.782.883	0%	-	
II. Tài sản thuộc Công ty Cổ phần Công nghệ Điện tử Vinachiva						4.587.580.910		1.384.088.400	
1	Xe Lexus màu đen BKS 30X -1418	Phương tiện vận tải	2011	xe	1	3.807.636.364	33%	1.256.520.000	
2	Xe Ford màu xám BKS 30M -5451	Phương tiện vận tải	2008	xe	1	502.217.273	16%	80.354.764	
3	Xe cứu long màu trắng BKS 29C-01882	Phương tiện vận tải	2009	xe	1	277.727.273	17%	47.213.636	
III. Tài sản thuộc Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng						28.169.595.865		5.303.854.897	
1	18 trục cán thép phi 700*1600 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	18	3.738.557.901	16%	598.169.264	
2	18 trục cán gang phi 660*1500 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	18	3.677.672.064	16%	588.427.530	
3	12 trục cán gang phi 660*1000 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	12	1.710.744.219	16%	273.719.075	
4	4 trục cán thép phi 390*1150 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	4	170.181.844	16%	27.229.095	
5	1 trục cán thép phi 425*1150 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	1	49.226.153	16%	7.876.184	
6	3 trục cán thép phi 390*1150 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	3	154.007.536	16%	24.641.206	
7	4 trục cán phi gang 390*600 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	4	111.849.871	16%	17.895.979	
8	7 trục cán gang phi 380*600 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	7	186.897.526	16%	29.903.604	
9	4 trục cán gang phi 370*600 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	4	101.927.705	16%	16.308.433	
10	4 trục cán gang phi 365*600 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	4	98.680.451	16%	15.788.872	
11	12 trục cán gang phi 390*400 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	12	236.508.356	16%	37.841.337	
12	15 trục cán gang phi 380*400 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	15	285.487.776	16%	45.678.044	
13	1 trục cán thép phi 390*1150 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	1	50.690.664	16%	8.110.506	
14	4 trục cán thép phi 425*1150 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	4	196.904.612	16%	31.504.738	
15	2 trục cán thép phi 435*1150 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	2	108.297.537	16%	17.327.606	
16	4 trục cán thép phi 390*600 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	4	111.849.871	16%	17.895.979	
17	7 trục cán thép phi 380*600 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	7	186.897.526	16%	29.903.604	
18	4 trục cán thép phi 370*600 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	4	101.927.705	16%	16.308.433	
19	4 trục cán thép phi 365*600 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	4	98.680.451	16%	15.788.872	
20	12 trục cán 390*400 mm	Máy móc, thiết bị	2011	Cái	12	236.508.356	16%	37.841.337	